PHÒNG GDĐT QUẬN HÀ ĐÔNG

BẢNG GHI ĐIỂM

HỌC SINH DỰ THI HSG LỚP 9, NĂM HỌC 2023-2024

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
1	1	Đ01	Nguyễn Minh An	28	2	2009	9A8	THCS Văn Quán	Địa lí	13.25
2	1	Đ02	Phạm Châu Anh	24	1	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Địa lí	4.75
3	1	Đ03	Nguyễn Diệu Anh	29	3	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Địa lí	5.0
4	1	Đ04	Nguyễn Duy Đức Anh	14	1	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Địa lí	3.0
5	1	Đ05	Phan Đức Anh	15	7	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Địa lí	10.75
6	1	Đ06	Bùi Gia Anh	28	12	2009	9T1	THCS Ban Mai	Địa lí	9.25
7	1	Đ07	Phạm Hà Anh	2	12	2009	9A7	THCS Văn Quán	Địa lí	11.5
8	1	Đ08	Bùi Hoàng Anh	9	8	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Địa lí	7.0
9	1	Đ09	Phạm Ngọc Anh	9	7	2009	9T2	THCS Ban Mai	Địa lí	9.75
10	1	Đ10	Đoàn Thị Hà Anh	12	2	2009	9A1	THCS Đồng Mai	Địa lí	12.0
11	1	Đ12	Nguyễn Tiến Anh	28	7	2009	9A4	THCS Văn Yên	Địa lí	3.0
12	1	Đ13	Hà Nguyên Gia Bảo	28	4	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Địa lí	14.0
13	1	Đ14	Đặng Công Bằng	24	11	2009	9A1	THCS Phú Lương	Địa lí	12.25
14	1	Đ15	Nguyễn An Bình	7	7	2009	9A1	THCS Nguyễn Trãi	Địa lí	9.0
15	1	Đ16	Mai Bảo Minh Châu	10	2	2009	9A9	THCS Lê Quý Đôn	Địa lí	7.0
16	1	Đ17	Dương Minh Châu	2	10	2009	9A6	THCS Dương Nội	Địa lí	3.0
17	1	Đ18	Trần Tuệ Châu	14	9	2009	9A5	THCS Lê Lợi	Địa lí	9.0
18	1	Đ19	Nguyễn Đoàn Phương Chi	2	11	2009	9A6	THCS Văn Quán	Địa lí	8.0
19	1	Đ20	Nguyễn Lưu Khánh Chi	22	12	2009	9A3	THCS Lê Quý Đôn	Địa lí	11.0
20	1	Đ21	Đào Quỳnh Chi	3	10	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Địa lí	8.25
21	1	Đ22	Vũ Quỳnh Chi	11	07	2009	9A1	THCS Yên Nghĩa	Địa lí	9.5
22	1	Đ23	Nguyễn Thảo Chi	7	8	2009	9A6	THCS Lê Lợi	Địa lí	13.75
23	1	Đ24	Hoàng Thùy Chi	26	4	2009	9A1	THCS Nguyễn Trãi	Địa lí	4.75
24	1	Đ25	Nguyễn Nhật Duy	24	7	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Địa lí	11.75
25	1	Đ26	Nguyễn Trọng Tuấn Duy	06	03	2009	9A1	THCS Yên Nghĩa	Địa lí	8.75
26	2	Đ27	Phan Nguyễn Quỳnh Duyên	22	11	2009	9A7	THCS Văn Quán	Địa lí	12.25
27	2	Đ28	Trần Thùy Dương	29	10	2009	9A1	THCS Phú Cường	Địa lí	9.0
28	2	Đ29	Trịnh Thùy Dương	2	6	2009	9A4	THCS Phú Lãm	Địa lí	1.5
29	2	Đ30	Nguyễn Đình Đức	28	2	2009	9A1	THCS Đồng Mai	Địa lí	11.0
30	2	Đ31	Lê Nguyễn Trường Giang	7	11	2009	9A4	THCS Dương Nội	Địa lí	10.0
31	2	Đ32	Nguyễn Thu Giang	12	09	2009	9A6	THCS Yên Nghĩa	Địa lí	12.0
32	2	Đ33	Trần Mạnh Hải	4	2	2009	9A3	THCS Đồng Mai	Địa lí	6.75
33	2	Đ34	Ngô Gia Hân	29	10	2009	9A1	THCS Lê Lợi	Địa lí	11.75
34	2	Đ35	Trần Danh Hiển	10	12	2009	9M2	THCS Ban Mai	Địa lí	10.5
35	2	Đ36	Đinh Trung Hiếu	21	4	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Địa lí	6.25
36	2	Đ37	Đặng Đình Huy	5	4	2009	9A1	THCS Phú Cường	Địa lí	9.25
37	2	Đ38	Trần Quang Huy	20	4	2009	9A4	THCS Vạn Phúc	Địa lí	1.25
38	2	Đ39	Nguyễn Chấn Huy	1	8	2009	9A4	THCS Nguyễn Trãi	Địa lí	3.25
39	2	Đ40	Phạm Thanh Huyền	31	1	2009	9A4	THCS Trần Đăng Ninh	Địa lí	8.5
40	2	Đ41	Lê Nguyên Khôi	1	12	2009	9A6	THCS Lê Hồng Phong	Địa lí	1.75
41	2	Đ42	Trần Cẩm Lam	6	7	2009	9A5	THCS Văn Khê	Địa lí	5.75
42	2	Đ43	Đào Ngọc Lan	4	4	2009	9A2	THCS Phú Lương	Địa lí	14.5
43	2	Đ44	Bùi Khánh Lâm	7	10	2009	9T2	THCS Ban Mai	Địa lí	10.75
44	2	Đ45	Bùi Hà Linh	26	2	2009	9A2	THCS Văn Khê	Địa lí	9.0
45	2	Đ46	Nguyễn Khánh Linh	3	4	2009	9A9	THCS Nguyễn Trãi	Địa lí	2.25
46	2	Đ47	Nguyễn Khánh Linh	28	04	2009	9A6	THCS Yên Nghĩa	Địa lí	4.5
47	2	Đ48	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	30	8	2009	9A1	THCS Phú La	Địa lí	5.25

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
48	2	Đ49	Trần Phương Linh	19	1	2009	9A3	THCS Lê Quý Đôn	Địa lí	14.25
49	2	Đ50	Phan Trần Gia Linh	01	10	2009	9A2	THCS Yên Nghĩa	Địa lí	8.5
50	2	Đ51	Đào Vũ Gia Linh	24	9	2009	9A	THCS Biên Giang	Địa lí	8.75
51	2	Đ52	Hoàng Thanh Mai	3	10	2009	9A3	THCS Phú Lương	Địa lí	7.0
52	3	Đ53	Đặng Thị Hà Mi	5	2	2009	9A1	THCS Phú Cường	Địa lí	9.0
53	3	Đ54	Nguyễn Bảo Minh	5	1	2009	9A6	THCS Lê Lợi	Địa lí	17.25
54	3	Đ55	Đào Tiến Minh	17	1	2009	9A1	THCS Phú Lương	Địa lí	8.5
55	3	Đ56	Nguyễn Tuấn Minh	29	8	2009	9A6	THCS Lê Hồng Phong	Địa lí	8.25
56	3	Đ57	Phạm Tuấn Minh	15	7	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Địa lí	12.0
57	3	Đ58	Nguyễn Thị Trà My	6	2	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Địa lí	12.5
58	3	Đ59	Đỗ Trần Thảo My	16	5	2009	9A8	THCS Phú La	Địa lí	1.25
59	3	Đ60	Nguyễn Trần Trà My	8	12	2009	9A7	THCS Trần Đăng Ninh	Địa lí	9.25
60	3	Đ61	An Hà Ngân	10	5	2009	9A1	THCS Mỗ Lao	Địa lí	8.75
61	3	Đ62	Nguyễn Hoàng Ngân	26	6	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Địa lí	8.25
62	3	Đ63	Dương Thị Thu Ngân	12	11	2009	9A	THCS Biên Giang	Địa lí	5.0
63	3	Đ64	Nguyễn Bảo Ngọc	30	3	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Địa lí	13.25
64	3	Đ65	Nguyễn Qúy Minh Ngọc	7	1	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Địa lí	5.5
65	3	Đ66	Lê Minh Nguyệt	3	10	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Địa lí	11.0
66	3	Đ67	Đỗ Bảo Nhi	1	6	2009	9A	THCS Biên Giang	Địa lí	5.5
67	3	Đ68	Nguyễn Gia Nhi	14	10	2009	9A4	THCS Trần Đăng Ninh	Địa lí	8.25
68	3	Đ69	Hồ Hoàng Nhi	18	3	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Địa lí	10.25
69	3	Đ70	Mai Nguyễn Yến Nhi	11	2	2009	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Địa lí	5.0
70	3	Đ71	Đỗ Uyên Nhi	8	10	2009	9A1	THCS Văn Quán	Địa lí	8.5
71	3	Đ72	Bùi Quỳnh Như	13	2	2009	9A7	THCS Trần Đăng Ninh	Địa lí	8.5
72	3	Đ73	Nguyễn Đăng Hồng Phúc	11	7	2009	9A1	THCS Phú Lương	Địa lí	5.25
73	3	Đ74	Đỗ Đức Phúc	3	1	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Địa lí	14.0
74	3	Đ75	Nguyễn Hà Phương	16	2	2009	9A10	THCS Văn Yên	Địa lí	6.5
75	3	Đ76	Nguyễn Lam Phương	07	04	2009	9M5	Marie Curie	Địa lí	2.0
76	3	Đ77	Đặng Lan Phương	25	10	2009	9A6	THCS Dương Nội	Địa lí	3.0
77	4	Đ78	Trần Thị Liên Phương	25	12	2009	9A5	THCS Lê Lợi	Địa lí	16.5
78	4	Đ79	Vũ Thị Mai Phương	9	7	2009	9A4	THCS Lê Lợi	Địa lí	14.25
79	4	Đ80	Lê Huy Sáng	2	3	2009	9A1	THCS Lê Lợi	Địa lí	11.75
80	4	Đ81	Lưu Thành Tài	30	10	2009	9A7	THCS Mỗ Lao	Địa lí	8.25
81	4	Đ82	Nguyễn Minh Tâm	24	7	2009	9A1	THCS Trần Đăng Ninh	Địa lí	8.75
82	4	Đ83	Ngô Phúc Thái	21	11	2009	9A2	THCS Lê Lợi	Địa lí	12.5
83	4	Đ84	Vũ Minh Thành	25	11	2009	9A4	THCS Phú Cường	Địa lí	9.0
84	4	Đ85	Nguyễn Trọng Thiên	6	12	2009	9A1	THCS Mỗ Lao	Địa lí	4.0
85	4	Đ86	Nguyễn Hà Thu	2	8	2009	9A5	THCS Lê Lợi	Địa lí	12.75
86	4	Đ87	Phan Thanh Thúy	9	11	2009	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Địa lí	7.5
87	4	Đ88	Nguyễn Hoàng Anh Thư	24	7	2009	9A7	THCS Lê Quý Đôn	Địa lí	5.75
88	4	Đ89	Nguyễn Thị Anh Thư	30	11	2009	9A2	THCS Văn Yên	Địa lí	7.75
89	4	Đ90	Tạ Quang Tiến	05	01	2009	9A5	THCS Yên Nghĩa	Địa lí	5.25
90	4	Đ91	Hoàng Thị Minh Trà	17	2	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	Địa lí	1.75
91	4	Đ92	Trần Đoàn Huyền Trang	11	9	2009	9A4	THCS Phú Lãm	Địa lí	2.75
92	4	Đ94	Đỗ Thảo Trang	7	1	2009	9A5	THCS Văn Khê	Địa lí	5.5
93	4	Đ95	Bùi Thị Thùy Trang	19	12	2009	9A	THCS Biên Giang	Địa lí	11.0
94	4	Đ96	Nguyễn Minh Tuệ	17	3	2009	9A3	THCS Kiến Hưng	Địa lí	3.0
95	4	Đ97	Nguyễn Vũ Uyên	24	9	2009	9A8	THCS Mỗ Lao	Địa lí	11.25
96	4	Đ98	Trần Cao Kỳ Vân	4	1	2009	9A2	THCS Vạn Phúc	Địa lí	8.75
97	4	Đ99	Vũ Trần Cẩm Vân	14	5	2009	9A6	THCS Dương Nội	Địa lí	5.25
98	4	Đ100	Phùng Văn Việt	3	8	2009	9A1	THCS Phú Lương	Địa lí	12.0

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
99	4	Đ101	Trần Yến Vy	28	5	2009	9A4	THCS Vạn Phúc	Địa lí	2.5
100	4	Đ102	Lê Nhật Xuân	17	03	2009	9A2	THCS Yên Nghĩa	Địa lí	10.75
1	5	V01	Nguyễn Ngọc Khánh An	24	2	2009	9A1	TN Victory	Ngữ văn	7.5
2	5	V02	Vũ Phan Khánh An	28	11	2009	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	9.75
3	5	V03	Cao Quốc An	1	1	2009	9A1	THCS Vạn Phúc	Ngữ văn	5.0
4	5	V04	Đỗ Cát Anh	21	5	2009	9T1	THCS Ban Mai	Ngữ văn	8.5
5	5	V05	Trần Hà Phương Anh	15	10	2009	9A8	THCS Văn Quán	Ngữ văn	8.0
6	5	V06	Hoàng Hiền Anh	26	10	2009	9A7	THCS Lê Hồng Phong	Ngữ văn	7.0
7	5	V07	Phạm Hoàng Mỹ Anh	22	11	2009	9A1	THCS Phú La	Ngữ văn	5.5
8	5	V08	Lê Hồng Anh	16	7	2009	9H1	HAS	Ngữ văn	3.0
9	5	V09	Đào Mai Hà Anh	29	10	2009	9A2	Hà Nội - Thăng Long	Ngữ văn	14.0
10	5	V10	Nguyễn Mai Anh	31	12	2009	9A8	THCS Mỗ Lao	Ngữ văn	9.0
11	5	V11	Nguyễn Mai Anh	2	11	2009	9A3	THCS Phú Lãm	Ngữ văn	11.0
12	5	V12	Lê Ngọc Bảo Anh	26	9	2009	9H1	HAS	Ngữ văn	7.5
13	5	V13	Trần Ngọc Bảo Anh	23	3	2009	9T2	THCS Ban Mai	Ngữ văn	8.0
14	5	V14	Đào Nguyễn Bảo Anh	7	5	2009	9A2	THCS Mậu Lương	Ngữ văn	8.5
15	5	V15	Nguyễn Phương Anh	16	11	2009	9A2	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	7.0
16	5	V16	Nguyễn Quỳnh Anh	4	5	2009	9A2	THCS Văn Yên	Ngữ văn	9.5
17	5	V17	Lê Thị Diệu Anh	20	12	2009	9A9	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	7.75
18	5	V18	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	27	9	2009	9A	THCS Biên Giang	Ngữ văn	9.75
19	5	V19	Nguyễn Tiến Lê Anh	17	9	2009	9A2	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	8.0
20	5	V20	Trần Vũ Minh Anh	20	7	2009	9A5	THCS Phú La	Ngữ văn	7.5
21	5	V21	Nguyễn Ngọc Bảo	10	12	2009	9A6	THCS Dương Nội	Ngữ văn	7.5
22	5	V22	Nguyễn Bảo Châu	14	9	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	6.5
23	5	V23	Bùi Minh Châu	21	8	2009	9A7	THCS Lê Hồng Phong	Ngữ văn	10.0
24	5	V24	Trần Đoàn Linh Chi	11	9	2009	9A10	THCS Văn Yên	Ngữ văn	11.25
25	5	V25	Nguyễn Khánh Chi	23	11	2009	9A5	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	8.0
26	5	V26	Nguyễn Lê Linh Chi	2	9	2009	9A4	THCS Phú Lãm	Ngữ văn	5.0
27	5	V27	Đào Mai Chi	6	11	2009	9A9	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	11.0
28	5	V28	Đào Phạm Hà Chi	7	2	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Ngữ văn	8.0
29	6	V29	Hà Phương Chi	20	10	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	11.0
30	6	V30	Nguyễn Phương Chi	20	8	2009	9A6	THCS Trần Đăng Ninh	Ngữ văn	9.0
31	6	V31	Nguyễn Quỳnh Chi	18	10	2009	9A7	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	10.0
32	6	V32	Nguyễn Thảo Chi	9	9	2009	9A8	THCS Lê Hồng Phong	Ngữ văn	10.5
33	6	V33	Nguyễn Tùng Chi	19	8	2009	9A4	THCS Phú Cường	Ngữ văn	10.0
34	6	V34	Tô Kim Chung	11	5	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	7.5
35	6	V35	Phùng Ngọc Diệp	14	10	2009	9A9	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	10.25
36	6	V36	Trần Thị Bích Diệp	10	8	2009	9A2	THCS Dương Nội	Ngữ văn	10.0
37	6	V37	Trần Thị Phương Dung	12	4	2009	9A7	THCS Dương Nội	Ngữ văn	8.5
38	6	V38	Nguyễn Lê Khánh Dương	20	05	2009	9A4	THCS Yên Nghĩa	Ngữ văn	5.0
39	6	V39	Phạm Quỳnh Dương	15	6	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Ngữ văn	5.0
40	6	V40	Đặng Thùy Dương	7	10	2009	9A2	THCS Phú La	Ngữ văn	5.75
41	6	V41	Nguyễn Vũ Thùy Dương	2	3	2009	9A6	THCS Trần Đăng Ninh	Ngữ văn	8.25
42	6	V42	Đỗ Anh Đức	16	2	2009	9A1	THCS Vạn Phúc	Ngữ văn	8.5
43	6	V43	Đặng Bá Đức	6	3	2009	9A6	THCS Dương Nội	Ngữ văn	10.0
44	6	V44	Nguyễn Châu Giang	09	09	2009	**9A4**	THCS Yên Nghĩa	Ngữ văn	8.75
45	6	V45	Nguyễn Hà Châu Giang	1	10	2009	9A1	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	9.0
46	6	V46	Văn Quỳnh Giao	12	10	2009	9A9	THCS Phú Lương	Ngữ văn	8.75
47	6	V47	Lê Bảo Hà	11	8	2009	9A10	THCS Văn Khê	Ngữ văn	10.5
48	6	V48	Phạm Thanh Hà	6	7	2009	9A5	THCS Văn Khê	Ngữ văn	8.0
49	6	V49	Nguyễn Thị Ngọc Hà	7	4	2009	9A7	THCS Văn Khê	Ngữ văn	5.75

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
50	6	V50	Nguyễn Vân Hà	15	7	2009	9A5	THCS Văn Yên	Ngữ văn	10.5
51	6	V51	Nguyễn Gia Hân	10	1	2009	9A10	THCS Văn Yên	Ngữ văn	8.0
52	6	V52	Lê Trần Bảo Hân	5	2	2009	9A6	THCS Văn Yên	Ngữ văn	8.5
53	6	V53	Nguyễn Hà Ngọc Hoa	16	7	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Ngữ văn	8.0
54	6	V54	Tưởng Thị Thanh Hoa	13	1	2009	9A2	THCS Phú Lương	Ngữ văn	8.0
55	6	V55	Nguyễn Trọng Hoàng	30	10	2009	9A8	THCS Trần Đăng Ninh	Ngữ văn	3.0
56	6	V56	Phạm Bích Hồng	23	1	2009	9A9	THCS Phú Lương	Ngữ văn	10.75
57	7	V57	Nguyễn Tuấn Hùng	12	5	2009	9A	THCS Biên Giang	Ngữ văn	10.5
58	7	V58	Nguyễn Thị Thu Huyền	11	05	2009	9A8	THCS Yên Nghĩa	Ngữ văn	6.5
59	7	V59	Đặng Ngọc Khánh	7	1	2009	9A2	THCS Phú Lương	Ngữ văn	9.5
60	7	V60	Nghiêm Ngọc Khuê	8	8	2009	9A9	THCS Văn Khê	Ngữ văn	8.25
61	7	V61	Hà Trúc Lam	27	11	2009	9A4	THCS Phú La	Ngữ văn	8.5
62	7	V62	Vũ Đan Lê	16	10	2009	9A8	THCS Mỗ Lao	Ngữ văn	9.75
63	7	V63	Nguyễn Phương Lê	10	2	2009	9A1	THCS Phú Lương	Ngữ văn	11.0
64	7	V64	Dương Gia Linh	7	10	2009	9T2	THCS Ban Mai	Ngữ văn	6.5
65	7	V65	Đào Gia Linh	1	11	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	8.5
66	7	V66	Phó Gia Linh	8	12	2009	9A1	LMNX Tây Hà Nội	Ngữ văn	9.0
67	7	V67	Bùi Hà Linh	11	2	2009	9A6	THCS Văn Quán	Ngữ văn	7.0
68	7	V68	Vương Hà Linh	19	4	2009	9A8	THCS Văn Quán	Ngữ văn	10.5
69	7	V69	Nguyễn Hạnh Linh	11	1	2009	9A3	THCS Văn Khê	Ngữ văn	9.0
70	7	V70	Đàm Khánh Linh	14	10	2009	9P4	Marie Curie	Ngữ văn	6.5
71	7	V71	Đỗ Khánh Linh	26	7	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	8.5
72	7	V72	Nguyễn Khánh Linh	11	9	2009	9A11	THCS Văn Yên	Ngữ văn	6.5
73	7	V73	Hoàng Ngọc Khánh Linh	19	05	2009	9A4	THCS Yên Nghĩa	Ngữ văn	6.5
74	7	V74	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	13	10	2009	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	7.5
75	7	V75	Trần Ngọc Khánh Linh	3	7	2009	9A4	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	10.0
76	7	V76	Phạm Nhật Linh	13	11	2009	9A2	THCS Phú La	Ngữ văn	8.0
77	7	V77	Nguyễn Phạm Khánh Linh	10	1	2009	9A2	Hà Nội - Thăng Long	Ngữ văn	11.0
78	7	V78	Đỗ Phương Linh	10	10	2009	9A8	THCS Văn Quán	Ngữ văn	6.0
79	7	V79	Đỗ Phương Linh	24	10	2009	9A1	THCS Văn Yên	Ngữ văn	8.5
80	7	V80	Trương Phương Linh	19	4	2009	9A2	THCS Mỗ Lao	Ngữ văn	5.5
81	7	V81	Cao Thị Khánh Linh	30	10	2009	9A1	THCS Vạn Phúc	Ngữ văn	7.0
82	7	V82	Đặng Thị Phương Linh	12	3	2009	9M5	Marie Curie	Ngữ văn	8.5
83	7	V83	Lê Hà Khánh Ly	10	1	2009	9A8	THCS Lê Hồng Phong	Ngữ văn	8.0
84	7	V84	Tạ Khánh Ly	2	10	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Ngữ văn	10.0
85	8	V85	Nguyễn Thanh Ngọc Mai	12	11	2009	9A1	LMNX Tây Hà Nội	Ngữ văn	11.0
86	8	V86	Nguyễn Dương Trà My	27	5	2009	9A8	THCS Dương Nội	Ngữ văn	6.0
87	8	V87	Đỗ Nguyễn Quỳnh My	4	4	2009	9A9	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	11.0
88	8	V89	Lê Na	13	11	2009	9A5	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	9.5
89	8	V90	Hoàng Bích Ngân	1	1	2009	9A1	THCS Văn Quán	Ngữ văn	8.0
90	8	V91	Nguyễn Hoàng Ngân	6	7	2009	9A2	PTQT Việt Nam	Ngữ văn	9.75
91	8	V92	Vũ Bích Ngọc	27	2	2009	9A8	THCS Lê Hồng Phong	Ngữ văn	11.0
92	8	V93	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	22	8	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	Ngữ văn	10.0
93	8	V94	Hoàng Phương Ngọc	18	2	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Ngữ văn	10.5
94	8	V95	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	14	8	2009	9A4	THCS Trần Đăng Ninh	Ngữ văn	7.75
95	8	V96	Nguyễn Minh Nguyệt	29	8	2009	9A5	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	6.25
96	8	V97	Bùi Đức Tuệ Nhân	27	1	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Ngữ văn	5.5
97	8	V98	Trương Gia Nhi	5	5	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	Ngữ văn	4.5
98	8	V99	Hoàng Phượng Nhi	29	11	2009	9A2	PTQT Việt Nam	Ngữ văn	9.0
99	8	V100	Nguyễn Hồng Nhung	15	10	2009	9A6	THCS Văn Khê	Ngữ văn	9.5
100	8	V101	Hàn Thị Nhung	19	5	2009	9A1	THCS Đồng Mai	Ngữ văn	9.0

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
101	8	V102	Đỗ Thị Tú Oanh	12	3	2009	9A10	THCS Dương Nội	Ngữ văn	7.5
102	8	V103	Hoàng Thục Oanh	4	11	2009	9A2	THCS Phú Lương	Ngữ văn	9.5
103	8	V104	Lê Hồng Phúc	31	5	2009	9A5	THCS Phú Lãm	Ngữ văn	9.0
104	8	V105	Nguyễn Hà Phương	7	2	2009	9A3	LMNX Tây Hà Nội	Ngữ văn	8.5
105	8	V107	Lê Thị Hà Phương	22	8	2009	9A2	THCS Phú Cường	Ngữ văn	10.0
106	8	V108	Nghiêm Vũ Linh Phương	30	3	2009	9A8	THCS Văn Quán	Ngữ văn	11.0
107	8	V109	Nguyễn Anh Quân	17	10	2009	9A7	THCS Văn Quán	Ngữ văn	8.0
108	8	V110	Lã Như Quỳnh	29	3	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Ngữ văn	5.0
109	8	V111	Đinh Gia An Thảo	14	6	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Ngữ văn	10.5
110	9	V112	Nguyễn Phương Thảo	17	3	2009	9A6	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	8.5
111	9	V113	Nguyễn Phương Thảo	25	4	2009	9A4	THCS Trần Đăng Ninh	Ngữ văn	6.0
112	9	V114	Nguyễn Phương Thảo	26	5	2009	9A8	THCS Văn Quán	Ngữ văn	13.0
113	9	V115	Nguyễn Thị Phương Thảo	22	10	2009	9A9	THCS Yên Nghĩa	Ngữ văn	8.5
114	9	V116	Nguyễn Thị Thu Thảo	18	01	2009	9A3	THCS Yên Nghĩa	Ngữ văn	10.0
115	9	V117	Dương Thị Thắm	19	10	2009	9A10	THCS Dương Nội	Ngữ văn	6.0
116	9	V118	Nguyễn Ngọc Thơm	4	3	2009	9A2	THCS Dương Nội	Ngữ văn	8.0
117	9	V119	Nguyễn Thị Phương Thuỳ	26	4	2009	9A2	THCS Phú Lãm	Ngữ văn	8.5
118	9	V120	Vũ Thu Thuỷ	12	11	2009	9T1	THCS Ban Mai	Ngữ văn	6.25
119	9	V121	Nguyễn Thu Trà	7	7	2009	9A1	THCS Phú Lương	Ngữ văn	9.0
120	9	V122	Võ Kiều Trang	1	2	2009	9A9	THCS Phú Lương	Ngữ văn	7.5
121	9	V123	Đào Minh Trang	13	9	2009	9A7	THCS Lê Hồng Phong	Ngữ văn	9.0
122	9	V124	Nguyễn Phương Trang	16	12	2009	9A5	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	7.5
123	9	V125	Nguyễn Thị Trang	3	10	2009	9A2	THCS Phú Cường	Ngữ văn	9.25
124	9	V126	Lã Thị Thu Trang	3	11	2009	9A8	THCS Lê Hồng Phong	Ngữ văn	11.5
125	9	V127	Nguyễn Thu Trang	6	8	2009	9T2	THCS Ban Mai	Ngữ văn	8.5
126	9	V128	Phùng Thu Trang	8	4	2009	9A3	THCS Mậu Lương	Ngữ văn	8.0
127	9	V129	Hoàng Minh Tâm Uyên	26	6	2009	9A10	THCS Văn Yên	Ngữ văn	9.75
128	9	V130	Vũ Ngọc Minh Uyên	8	7	2009	9A1	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	9.0
129	9	V131	Trần Thị Thảo Vân	28	04	2009	9A7	THCS Yên Nghĩa	Ngữ văn	9.75
130	9	V132	Kim Anh Vũ	6	11	2009	9A7	THCS Nguyễn Trãi	Ngữ văn	10.0
131	9	V133	Nguyễn Minh Vũ	28	5	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Ngữ văn	9.5
132	9	V134	Bùi Hải Vy	7	9	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Ngữ văn	9.5
133	9	V135	Nguyễn Phương Vy	28	2	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Ngữ văn	6.0
134	9	V136	Nguyễn Thị Tường Vy	3	11	2009	9A2	THCS Dương Nội	Ngữ văn	11.5
135	9	V137	Đặng Thị Khánh Xuân	31	1	2009	9A2	THCS Phú La	Ngữ văn	11.0
136	9	V138	Nguyễn Minh Yến	23	12	2009	9A6	THCS Văn Khê	Ngữ văn	11.0
1	10	S01	Nguyễn Huy An	20	7	2009	9A5	THCS Lê Lợi	Sinh học	12
2	10	S02	Vũ Trần Khánh An	20	9	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Sinh học	6
3	10	S03	Lê Diệu Anh	27	10	2009	9A4	THCS Vạn Phúc	Sinh học	2
4	10	S04	Trần Duy Anh	25	5	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Sinh học	11.25
5	10	S05	Lê Hà Anh	7	11	2009	9A6	THCS Lê Lợi	Sinh học	12.75
6	10	S06	Phạm Mạc Hồng Anh	2	4	2009	9A6	THCS Văn Khê	Sinh học	16.25
7	10	S07	Trần Mai Nhật Anh	9	7	2009	9A4	THCS Lê Hồng Phong	Sinh học	3.25
8	10	S08	Nguyễn Ngọc Hải Anh	16	4	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	Sinh học	9
9	10	S09	Hoàng Ngọc Anh	4	8	2009	9A	THCS Biên Giang	Sinh học	2.5
10	10	S10	Phạm Ngọc Anh	9	9	2009	9A10	THCS Văn Yên	Sinh học	6.5
11	10	S11	Lê Quỳnh Anh	23	8	2009	9A6	THCS Văn Khê	Sinh học	11.5
12	10	S12	Lê Quỳnh Anh	28	2	2009	9A8	THCS Văn Quán	Sinh học	6
13	10	S13	Vũ Thế Lê Anh	15	10	2009	9A5	THCS Văn Yên	Sinh học	7
14	10	S14	Phan Thị Phương Anh	4	6	2009	9A3	THCS Phú Lương	Sinh học	4.25
15	10	S15	Nguyễn Thị Minh Anh	11	9	2009	9A7	THCS Văn Khê	Sinh học	3.75

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
16	10	S16	Nguyễn Vũ Phương Anh	26	9	2009	9A5	THCS Trần Đăng Ninh	Sinh học	14.25
17	10	S17	Phạm Vũ Phương Anh	15	7	2009	9A7	THCS Văn Khê	Sinh học	10.25
18	10	S18	Nguyễn Hồng Ánh	7	11	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Sinh học	9.5
19	10	S19	Nguyễn Tạ Hồng Ánh	27	11	2009	9A	THCS Biên Giang	Sinh học	3.5
20	10	S20	Ngô Thị Hồng Ánh	2	3	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Sinh học	13.5
21	10	S21	Trần Quang Bách	15	9	2009	9A8	THCS Mỗ Lao	Sinh học	4.75
22	10	S22	Vũ Bảo Châu	23	5	2009	9A7	THCS Văn Yên	Sinh học	11.75
23	10	S23	Lê Mai Châu	28	4	2009	9A2	THCS Văn Khê	Sinh học	10.5
24	10	S24	Tạ Ngọc Bảo Châu	18	3	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Sinh học	10
25	10	S25	Đỗ Quế Chi	14	12	2009	9A4	THCS Trần Đăng Ninh	Sinh học	14
26	11	S26	Vương Kim Trung	8	5	2009	9A1	THCS Nguyễn Trãi	Sinh học	13.5
27	11	S27	Đỗ Khánh Duy	11	2	2009	9A6	THCS Mỗ Lao	Sinh học	10.75
28	11	S28	Hoàng Ánh Dương	31	10	2009	9A8	THCS Trần Đăng Ninh	Sinh học	15.75
29	11	S29	Tạ Dương Dương	26	07	2009	9A2	THCS Yên Nghĩa	Sinh học	4.5
30	11	S31	Lưu Nguyên Đan	10	10	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Sinh học	12.25
31	11	S32	Đặng Tiến Đạt	3	5	2009	9A3	THCS Phú Lãm	Sinh học	1.5
32	11	S33	Phạm Anh Đức	20	10	2009	9A2	LMNX Tây Hà Nội	Sinh học	4
33	11	S34	Đinh Long Đức	18	12	2009	9A2	THCS Văn Quán	Sinh học	7.75
34	11	S35	Đặng Minh Đức	26	2	2009	9A2	THCS Văn Quán	Sinh học	10
35	11	S36	Nguyễn Minh Đức	24	9	2009	9A8	THCS Phú La	Sinh học	4.5
36	11	S37	Trịnh Minh Đức	5	7	2009	9A9	THCS Lê Quý Đôn	Sinh học	16.75
37	11	S38	Nguyễn Ngọc Đức	2	11	2009	9A10	THCS Phú La	Sinh học	7.75
38	11	S39	Nguyễn Hải Hương Giang	18	8	2009	9A6	THCS Dương Nội	Sinh học	4.5
39	11	S40	Nguyễn Thị Tâm Giang	07	11	2009	9A2	THCS Yên Nghĩa	Sinh học	5.25
40	11	S41	Đỗ Thùy Giang	6	5	2009	9A4	THCS Vạn Phúc	Sinh học	2.5
41	11	S42	Dương Ngọc Hà	13	8	2009	9A9	THCS Phú Lương	Sinh học	7.25
42	11	S43	Nguyễn Thị Thúy Hằng	31	7	2009	9A6	THCS Phú Cường	Sinh học	5.5
43	11	S44	Lê Hoàng Gia Hân	10	9	2009	9A7	THCS Lê Quý Đôn	Sinh học	11.75
44	11	S45	Ngô Minh Hiển	2	3	2009	9A3	THCS Phú Lương	Sinh học	12.25
45	11	S46	Bùi Khánh Hoàng	7	6	2009	9A3	THCS Văn Yên	Sinh học	5.25
46	11	S48	Hoàng Lê Gia Huy	9	6	2009	9A2	THCS Kiến Hưng	Sinh học	12.5
47	11	S49	Đỗ Diệu Hương	8	3	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Sinh học	8.5
48	11	S50	Tạ Thu Hương	16	5	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Sinh học	13.25
49	12	S51	Nguyễn Quang Khải	24	5	2009	9A7	THCS Lê Hồng Phong	Sinh học	3.75
50	12	S52	Nguyễn Gia Khánh	25	5	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Sinh học	6.25
51	12	S53	Trần Nam Khánh	7	9	2009	9A10	THCS Dương Nội	Sinh học	6
52	12	S54	Nguyễn Lê Hoàng Lâm	7	10	2009	9A2	THCS Phú La	Sinh học	3.75
53	12	S55	Nguyễn Diệu Linh	4	12	2009	9A4	THCS Vạn Phúc	Sinh học	3.25
54	12	S56	Nguyễn Gia Linh	12	8	2009	9A1	THCS Phú La	Sinh học	6
55	12	S57	Nguyễn Gia Linh	27	10	2009	9A8	THCS Văn Quán	Sinh học	10.5
56	12	S58	Hoàng Hà Khánh Linh	20	5	2009	9A3	THCS Phú La	Sinh học	3
57	12	S59	Trần Phương Linh	6	1	2009	9A4	THCS Lê Lợi	Sinh học	8.75
58	12	S60	Nguyễn Thị Hà Linh	14	3	2009	9A6	THCS Văn Yên	Sinh học	8
59	12	S61	Phạm Thế Long	15	8	2009	9A2	LMNX Tây Hà Nội	Sinh học	10
60	12	S62	Nguyễn Khánh Ly	11	6	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	Sinh học	6.5
61	12	S63	Hoàng Chi Mai	27	2	2009	9A3	THCS Phú La	Sinh học	3.25
62	12	S64	Phạm Nguyễn Trúc Mai	05	08	2009	**9A1**	THCS Yên Nghĩa	Sinh học	14.5
63	12	S65	Ngô Kim Mẫn	7	3	2009	9A8	THCS Văn Quán	Sinh học	8.75
64	12	S66	Nguyễn Công Bảo Minh	16	1	2009	9A1	THCS Phú Lương	Sinh học	8.25
65	12	S67	Nguyễn Hoàng Minh	21	9	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Sinh học	3.5
66	12	S68	Nguyễn Hà My	14	3	2009	9M1	THCS Ban Mai	Sinh học	12.75

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
67	12	S69	Vũ Phương Nga	15	11	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Sinh học	5.5
68	12	S70	Trịnh Thanh Ngọc	9	6	2009	9A2	THCS Kiến Hưng	Sinh học	6.5
69	12	S71	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	14	2	2009	9A6	THCS Lê Lợi	Sinh học	13
70	12	S72	Nguyễn Thị Bích Ngọc	12	10	2009	9A6	THCS Phú Cường	Sinh học	5.5
71	12	S73	Vũ Bùi Khôi Nguyên	22	8	2009	9A8	THCS Trần Đăng Ninh	Sinh học	5.75
72	12	S74	Đỗ Khôi Nguyên	3	7	2009	9A10	THCS Văn Yên	Sinh học	6.25
73	12	S75	Nguyễn Thị Yến Nhi	13	7	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Sinh học	13.25
74	13	S76	Phạm Trần Uyển Nhi	18	6	2009	9A6	THCS Văn Yên	Sinh học	5
75	13	S77	Lê Yến Nhi	12	5	2009	9A1	THCS Lê Lợi	Sinh học	6.75
76	13	S78	Hoàng Gia Như	20	9	2009	9A6	THCS Kiến Hưng	Sinh học	10
77	13	S79	Bùi Minh Phong	15	7	2009	9A1	LMNX Tây Hà Nội	Sinh học	3
78	13	S80	Nguyễn Hà Phương	14	9	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Sinh học	1.25
79	13	S81	Nguyễn Mai Phương	13	4	2009	9A3	THCS Phú Lương	Sinh học	7.5
80	13	S82	Trần Mai Phương	22	1	2009	9A10	THCS Dương Nội	Sinh học	9.25
81	13	S83	Nguyễn Nam Phương	23	5	2009	9A9	THCS Nguyễn Trãi	Sinh học	9.25
82	13	S84	Phạm Tùng Sơn	29	12	2009	9A8	THCS Mỗ Lao	Sinh học	9.25
83	13	S85	Nguyễn Đăng Lập Thành	16	2	2009	9A7	THCS Nguyễn Trãi	Sinh học	12.25
84	13	S86	Phạm Thái Thảo	8	2	2009	9A1	THCS Văn Khê	Sinh học	3.75
85	13	S87	Nguyễn Thanh Thảo	30	4	2009	9A1	THCS Vạn Phúc	Sinh học	6.5
86	13	S88	Trần Đức Thọ	5	7	2009	9A3	THCS Văn Yên	Sinh học	4.75
87	13	S89	Bùi Thanh Thư	29	4	2009	9A1	THCS Lê Lợi	Sinh học	9.75
88	13	S90	Đào Thị Thư	29	5	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Sinh học	11.75
89	13	S91	Nguyễn Thị Thu Trang	30	1	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Sinh học	11.25
90	13	S92	Nguyễn Thị Thuỷ Trang	28	11	2009	9A7	THCS Lê Quý Đôn	Sinh học	6.5
91	13	S93	Phạm Khánh Vi	28	2	2009	9A6	THCS Lê Lợi	Sinh học	9.5
92	13	S94	Nguyễn Đức Việt	29	3	2009	9H1	HAS	Sinh học	7.25
93	13	S95	Lê Hoàng Việt	11	6	2009	9A9	THCS Lê Quý Đôn	Sinh học	15.25
94	13	S96	Nguyễn Tùng Việt	2	1	2009	9A5	THCS Phú La	Sinh học	4.25
95	13	S97	Phạm Ngọc Hà Vy	13	02	2009	9A1	THCS Yên Nghĩa	Sinh học	9.5
96	13	S98	Nguyễn Hải Yến	21	6	2009	9B	THCS Biên Giang	Sinh học	3
97	13	S99	Mai Hoàng Yến	2	1	2009	9A4	THCS Văn Yên	Sinh học	5.5
1	14	T01	Chu Khánh An	5	7	2009	9A2	THCS Phú Lương	Toán	12
2	14	T02	Hoàng Vũ An	15	11	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Toán	15
3	14	T03	Dương Diệp Anh	29	12	2009	9A9	THCS Văn Yên	Toán	13.25
4	14	T04	Nguyễn Đức Anh	11	8	2009	9A8	THCS Văn Quán	Toán	13.5
5	14	T05	Nguyễn Hoàng Đức Anh	21	11	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Toán	15.5
6	14	T06	Vũ Hoàng Yến	31	12	2009	9A4	THCS Phú Lãm	Toán	6
7	14	T07	Nguyễn Hữu Việt Anh	22	9	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Toán	15
8	14	T08	Trần Lê Duy Anh	10	9	2009	9A8	THCS Lê Hồng Phong	Toán	15.5
9	14	T09	Đỗ Minh Anh	8	7	2009	9A11	THCS Văn Yên	Toán	10.25
10	14	T10	Nguyễn Nam Anh	13	5	2009	9A1	THCS Mỗ Lao	Toán	13.5
11	14	T11	Nguyễn Phan Quỳnh Anh	14	11	2009	9P4	Marie Curie	Toán	2
12	14	T12	Đào Phương Anh	6	2	2009	9A	THCS Biên Giang	Toán	6.5
13	14	T13	Đào Quang Duy Anh	13	2	2009	9A1	THCS Phú Cường	Toán	12.75
14	14	T14	Ngô Thế Anh	10	12	2009	9A8	THCS Lê Hồng Phong	Toán	10.75
15	14	T15	Trần Ngọc Thế Anh	3	8	2009	9A3	THCS Phú Lãm	Toán	6
16	14	T16	Trần Thế Anh	9	1	2009	9A8	THCS Lê Quý Đôn	Toán	12.5
17	14	T17	Nguyễn Trung Quang Anh	17	07	2009	9A10	THCS Dương Nội	Toán	10
18	14	T18	Trần Ngọc Ánh	20	11	2009	9A	THCS Biên Giang	Toán	10.5
19	14	T19	Nguyễn Duy Gia Bách	6	4	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Toán	12.75
20	14	T20	Hoàng Đình Bách	22	3	2009	9A8	THCS Văn Quán	Toán	12.25

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
21	14	T21	Nguyễn Gia Bảo	23	12	2009	9A5	THCS Văn Khê	Toán	13.5
22	14	T22	Phạm Gia Bảo	31	1	2009	9A8	THCS Văn Quán	Toán	18
23	14	T23	Phạm Minh Cát	30	8	2009	9A4	THCS Văn Yên	Toán	12.25
24	14	T24	Phạm Bảo Chi	17	3	2009	9A2	LMNX Tây Hà Nội	Toán	7
25	14	T25	Nguyễn Thùy Chi	22	5	2009	9A6	THCS Văn Khê	Toán	7
26	14	T26	Hồ Tiến Dũng	10	4	2009	9A6	THCS Lê Lợi	Toán	16.5
27	15	T27	Nguyễn Ngọc Tuấn Dũng	7	2	2009	9A2	THCS Phú La	Toán	14.25
28	15	T28	Nguyễn Quang Dũng	16	11	2009	9A4	THCS Phú La	Toán	16.75
29	15	T29	Nguyễn Quang Dũng	26	3	2009	9A6	THCS Trần Đăng Ninh	Toán	12.5
30	15	T30	Nguyễn Tiến Dũng	09	10	2009	9A1	THCS Yên Nghĩa	Toán	10.25
31	15	T31	Nguyễn Trọng Dũng	2	12	2009	9A3	THCS Mậu Lương	Toán	11
32	15	T32	Nguyễn Tuấn Dũng	30	11	2009	9A8	THCS Mỗ Lao	Toán	13.5
33	15	T33	Nguyễn Xuân Dũng	29	3	2009	9A8	THCS Lê Hồng Phong	Toán	10.25
34	15	T34	Trần Hoàng Đại	14	12	2009	9A2	THCS Phú La	Toán	10.75
35	15	T35	Nguyễn Như Đại	11	03	2009	9A1	THCS Yên Nghĩa	Toán	10
36	15	T36	Đặng Thành Đạt	13	7	2009	9A4	THCS Phú La	Toán	15.75
37	15	T37	Nguyễn Văn Đạt	10	4	2009	9A4	THCS Phú Lãm	Toán	11
38	15	T38	Nguyễn Công Hải Đăng	12	11	2009	9A	THCS Biên Giang	Toán	4.75
39	15	T39	Ngô Hải Đăng	27	6	2009	9A3	Hà Nội - Thăng Long	Toán	16.5
40	15	T40	Lê Minh Hải Đăng	5	7	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Toán	18.75
41	15	T41	Đậu Khoa Điền	13	7	2009	9A6	THCS Nguyễn Trãi	Toán	11
42	15	T42	Trịnh Phương Đông	27	12	2009	9A3	THCS Mỗ Lao	Toán	15.25
43	15	T43	Ngô Minh Đức	20	6	2009	9A5	THCS Văn Khê	Toán	11.5
44	15	T44	Nguyễn Minh Đức	15	02	2009	9A10	THCS Dương Nội	Toán	9.25
45	15	T45	Nguyễn Minh Đức	5	7	2009	9A3	THCS Văn Yên	Toán	14.75
46	15	T46	Trần Phan Minh Đức	26	5	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	Toán	11
47	15	T47	Lê Trung Đức	18	12	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Toán	11.75
48	15	T48	Nguyễn Hoàng Trung Hải	20	5	2009	9A1	THCS Văn Yên	Toán	13.5
49	15	T49	Nguyễn Thị Thu Hằng	22	3	2009	9A2	THCS Kiến Hưng	Toán	9
50	15	T50	Nguyễn Đăng Hiếu	3	3	2009	9A1	THCS Phú Cường	Toán	13.5
51	15	T51	Phạm Trung Hiếu	12	8	2009	9A2	THCS Phú La	Toán	11.75
52	15	T52	Bạch Đăng Hoàng	28	2	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Toán	14.5
53	16	T53	Hồ Thị Hồng	13	10	2009	9A	THCS Biên Giang	Toán	8.25
54	16	T54	Nguyễn Mạnh Hùng	22	4	2009	9A3	LMNX Tây Hà Nội	Toán	5.75
55	16	T55	Nguyễn Đình Huy	20	9	2009	9A3	THCS Phú La	Toán	13.5
56	16	T56	Lê Đức Huy	10	7	2009	9A8	THCS Văn Quán	Toán	17.5
57	16	T57	Nguyễn Gia Huy	18	3	2009	9A7	THCS Lê Hồng Phong	Toán	12.75
58	16	T58	Lê Quang Huy	22	11	2009	9A6	THCS Lê Lợi	Toán	17
59	16	T59	Đỗ Quốc Huy	26	11	2009	9A4	THCS Trần Đăng Ninh	Toán	9.75
60	16	T60	Phạm Quốc Huy	10	3	2009	9A1	THCS Văn Yên	Toán	16
61	16	T61	Nguyễn Ngân Huyền	29	5	2009	9A6	THCS Văn Khê	Toán	6.75
62	16	T62	Hoàng Gia Hưng	10	8	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	Toán	13.25
63	16	T63	Vũ Như Khải	25	8	2009	9A8	THCS Văn Quán	Toán	10
64	16	T64	Lã Mạnh Khang	22	6	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Toán	14.25
65	16	T65	Đỗ Nam Khánh	22	2	2009	9M5	Marie Curie	Toán	5.75
66	16	T66	Nguyễn Mạnh Đăng Khoa	3	3	2009	9A6	THCS Văn Khê	Toán	10.75
67	16	T67	Đặng Minh Khoa	3	6	2009	9A4	THCS Lê Lợi	Toán	11.5
68	16	T68	Bùi Tất Đăng Khoa	24	2	2009	9A2	THCS Mỗ Lao	Toán	9.75
69	16	T69	Dương Đăng Khôi	05	11	2009	9A10	THCS Dương Nội	Toán	12.25
70	16	T70	Hoàng Tuấn Khôi	2	4	2009	9A1	THCS Phú Lương	Toán	17.5
71	16	T71	Nguyễn Minh Khuê	4	10	2009	9T1	THCS Ban Mai	Toán	14

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
72	16	T72	Ngô Trung Kiên	16	4	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Toán	12
73	16	T73	Phạm Trung Kiên	26	04	2009	9A9	THCS Dương Nội	Toán	12.25
74	16	T74	Nguyễn Văn Kiên	14	1	2009	9A1	THCS Phú Lương	Toán	12.5
75	16	T76	Nguyễn Danh Thành Lâm	30	3	2009	9A6	THCS Nguyễn Trãi	Toán	16.25
76	16	T77	Mai Đức Lâm	3	7	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Toán	6.25
77	16	T78	Nguyễn Hữu Tùng Lâm	21	6	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Toán	15.5
78	17	T79	Lê Bảo Linh	14	1	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Toán	15
79	17	T80	Nguyễn Đức Hoàng Linh	30	7	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Toán	14.5
80	17	T81	Nguyễn Gia Linh	27	10	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Toán	13
81	17	T82	Nguyễn Mỹ Linh	26	1	2009	9A4	THCS Lê Lợi	Toán	15.5
82	17	T83	Hoàng Phương Linh	2	3	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Toán	16.5
83	17	T84	Nguyễn Thị Khánh Linh	19	11	2009	9A4	THCS Văn Khê	Toán	12.25
84	17	T85	Nguyễn Thị Thảo Linh	10	3	2009	9A4	THCS Phú Lãm	Toán	10.75
85	17	T86	Bùi Duy Hải Long	23	5	2009	9A8	THCS Văn Quán	Toán	17.5
86	17	T87	Vũ Duy Long	15	4	2009	9A2	THCS Mậu Lương	Toán	12.5
87	17	T88	Nguyễn Đinh Bảo Long	27	09	2009	9A1	THCS Yên Nghĩa	Toán	13.5
88	17	T89	Phí Thành Long	26	10	2009	9A6	THCS Lê Hồng Phong	Toán	11.5
89	17	T90	Trần Hà Tú Mai	16	12	2009	9A1	THCS Văn Yên	Toán	11.75
90	17	T91	Hoàng Bảo Minh	26	6	2009	9A5	THCS Lê Quý Đôn	Toán	10.75
91	17	T92	Nguyễn Duy Hùng Minh	24	3	2009	9A4	THCS Nguyễn Trãi	Toán	14.75
92	17	T93	Nguyễn Đình Minh	8	10	2009	9A7	THCS Nguyễn Trãi	Toán	14.25
93	17	T94	Vương Đình Minh	27	8	2009	9A1	TN Victory	Toán	9.25
94	17	T95	Mai Đức Minh	3	7	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Toán	10.5
95	17	T96	Nguyễn Đức Minh	2	11	2009	9A7	THCS Lê Quý Đôn	Toán	11.75
96	17	T97	Nguyễn Gia Minh	3	10	2009	9A1	THCS Văn Yên	Toán	15.25
97	17	T98	Nguyễn Hoàng Minh	11	12	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Toán	16.75
98	17	T99	Trần Lê Minh	7	1	2009	9A3	THCS Mậu Lương	Toán	11
99	17	T100	Đoàn Ngọc Minh	6	4	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Toán	14
100	17	T101	Đinh Nguyễn Bình Minh	3	8	2009	9A10	THCS Văn Yên	Toán	4.75
101	17	T102	Đặng Nhật Minh	12	10	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Toán	13.5
102	17	T103	Nguyễn Nhật Minh	6	8	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Toán	16.75
103	18	T104	Nguyễn Nhật Minh	15	3	2009	9A3	Hà Nội - Thăng Long	Toán	15.5
104	18	T105	Ngô Phạm Bình Minh	25	2	2009	9A8	THCS Văn Quán	Toán	13.5
105	18	T106	Nguyễn Quang Minh	14	11	2009	9A1	THCS Phú La	Toán	11
106	18	T107	Lê Tuấn Minh	8	4	2009	9A7	THCS Trần Đăng Ninh	Toán	12.25
107	18	T108	Nguyễn Hải Nam	3	2	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Toán	13
108	18	T109	Đỗ Danh Ngọc	25	1	2009	9A6	THCS Lê Lợi	Toán	15.5
109	18	T110	Ngô Dương Minh Ngọc	01	03	2009	9A1	THCS Yên Nghĩa	Toán	8.75
110	18	T111	Đặng Thảo Ngọc	16	8	2009	9A2	PTQT Việt Nam	Toán	11.25
111	18	T112	Nguyễn An Nguyên	17	10	2009	9A1	THCS Phú Cường	Toán	11
112	18	T113	Nguyễn Bình Nguyên	29	5	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Toán	18
113	18	T114	Trần Mai Khôi Nguyên	22	12	2009	9H1	HAS	Toán	1
114	18	T115	Nguyễn Trọng Nhân	28	11	2009	9A1	THCS Trần Đăng Ninh	Toán	12.5
115	18	T116	Mai Yến Nhi	28	3	2009	9A5	THCS Văn Khê	Toán	13.25
116	18	T117	Hoàng Gia Như	10	2	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Toán	16.5
117	18	T118	Nguyễn Đình Phong	25	11	2009	9A1	THCS Phú Lương	Toán	15
118	18	T119	Vũ Tuấn Phong	25	11	2009	9A3	Hà Nội - Thăng Long	Toán	17
119	18	T120	Nguyễn Tiến Phúc	30	9	2009	9A3	THCS Mỗ Lao	Toán	12.25
120	18	T121	Nguyễn Tiến Phúc	10	9	2009	9A7	THCS Nguyễn Trãi	Toán	15.5
121	18	T122	Nguyễn Viết Phúc	9	1	2009	9A9	THCS Lê Quý Đôn	Toán	13.5
122	18	T123	Lê Hữu Phước	23	8	2009	9A1	THCS Vạn Phúc	Toán	3

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
123	18	T124	Trần Thu Phương	7	8	2009	9A8	THCS Lê Hồng Phong	Toán	13.5
124	18	T125	Nguyễn Kim Quang	15	7	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Toán	11.5
125	18	T126	Nguyễn Duy Quân	03	03	2009	9A1	THCS Yên Nghĩa	Toán	15.5
126	18	T127	Nguyễn Trung Quân	1	5	2009	9A8	THCS Lê Quý Đôn	Toán	14.75
127	18	T128	Nguyễn Trung Quốc	22	06	2009	9A3	THCS Dương Nội	Toán	11.75
128	19	T129	Nguyễn Hương Quỳnh	11	02	2009	9A8	THCS Dương Nội	Toán	13
129	19	T130	Đặng Nhi Quỳnh	25	4	2009	9A8	THCS Văn Quán	Toán	13
130	19	T131	Đoàn Việt Tâm	6	10	2009	9A1	THCS Phú Lương	Toán	12.25
131	19	T132	Đặng Công Tấn	14	10	2009	9H2	HAS	Toán	2
132	19	T133	Chu Ngô Văn Thái	24	8	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Toán	15.5
133	19	T134	Nguyễn Tiến Thành	4	6	2009	9A2	THCS Phú Lương	Toán	15.5
134	19	T135	Vũ Phương Thảo	23	11	2009	9A11	THCS Văn Yên	Toán	12.5
135	19	T136	Phùng Thạch Thảo	18	2	2009	9A2	THCS Văn Yên	Toán	13.5
136	19	T137	Đặng Thế Thảo	22	2	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Toán	13
137	19	T138	Phạm Lê Thăng	26	3	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Toán	10.25
138	19	T139	Nguyễn Đại Thắng	19	8	2009	9A3	THCS Phú La	Toán	10.5
139	19	T140	Chu Bá Thiên	22	7	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Toán	11.75
140	19	T141	Vương Toàn Thịnh	30	1	2009	9A6	THCS Văn Khê	Toán	6.75
141	19	T142	Nguyễn Anh Thư	10	3	2009	9A1	THCS Vạn Phúc	Toán	5.25
142	19	T143	Nguyễn Thọ Khánh Toàn	18	5	2009	9A1	THCS Phú Cường	Toán	12.75
143	19	T144	Nguyễn Hà Trang	26	2	2009	9T2	THCS Ban Mai	Toán	8
144	19	T145	Vũ Ngọc Huyền Trang	14	5	2009	9A1	THCS Phú Lương	Toán	13.25
145	19	T146	Võ Đức Tùng	11	7	2009	9A2	THCS Phú La	Toán	15.25
146	19	T147	Đặng Thanh Tùng	5	12	2009	9A6	THCS Nguyễn Trãi	Toán	14.25
147	19	T148	Ngô Ánh Vân	5	8	2009	9A8	THCS Dương Nội	Toán	12.25
148	19	T149	Trần Lan Vi	29	8	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Toán	19.5
149	19	T150	Nguyễn Anh Việt	15	5	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Toán	15.25
150	19	T151	Chu Ngọc Việt	15	4	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Toán	17
151	19	T152	Nguyễn Đình Quang Vinh	25	1	2009	9A1	THCS Phú Cường	Toán	13
152	19	T153	Nguyễn Hồng Vinh	24	1	2009	9A8	THCS Trần Đăng Ninh	Toán	12
1	22	L01	Võ Đình Anh	30	12	2009	9A1	THCS Lê Lợi	Vật lí	13.25
2	22	L02	Đỗ Đức Anh	4	5	2009	9A1	THCS Lê Lợi	Vật lí	11
3	22	L03	Nguyễn Minh Anh	18	6	2009	9A6	THCS Văn Khê	Vật lí	16
4	22	L04	Nguyễn Quốc Anh	8	3	2009	9A8	THCS Mỗ Lao	Vật lí	16
5	22	L05	Đào Trung Anh	6	2	2009	9A4	THCS Lê Lợi	Vật lí	18
6	22	L06	Nghiêm Tú Anh	11	12	2009	9A1	THCS Phú La	Vật lí	4.25
7	22	L07	Trần Tuấn Anh	21	9	2009	9A3	THCS Phú Lương	Vật lí	7.5
8	22	L08	Đặng Việt Anh	22	9	2009	9M1	THCS Ban Mai	Vật lí	3.5
9	22	L09	Nguyễn Gia Bách	26	9	2009	9A8	THCS Lê Quý Đôn	Vật lí	15.5
10	22	L10	Tạ Quang Bách	20	10	2009	9A1	THCS Văn Yên	Vật lí	11
11	22	L11	Hà Xuân Bách	6	6	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Vật lí	15.75
12	22	L12	Vũ Ngọc Bích	19	10	2009	9A7	THCS Trần Đăng Ninh	Vật lí	5
13	22	L13	Đào Thanh Bình	12	8	2009	9A2	THCS Lê Lợi	Vật lí	14.75
14	22	L14	Phạm Khánh Chi	13	9	2009	9A3	THCS Lê Quý Đôn	Vật lí	17.25
15	22	L15	Nguyễn Linh Chi	16	7	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Vật lí	10
16	22	L16	Lê Thanh Chúc	22	4	2009	9A3	THCS Phú La	Vật lí	4.5
17	22	L17	Lê Ngọc Diệp	14	9	2009	9A11	THCS Văn Yên	Vật lí	9
18	22	L18	Vũ Ngọc Diệp	3	7	2009	9A6	THCS Văn Khê	Vật lí	13.5
19	22	L19	Hoàng Đình Dũng	13	4	2009	9A1	THCS Trần Đăng Ninh	Vật lí	17.5
20	22	L20	Ngô Minh Dũng	30	11	2009	9M5	Marie Curie	Vật lí	4.25
21	22	L21	Nguyễn Trí Dũng	27	1	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Vật lí	13.5

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
22	**22**	L22	Nguyễn Đức Minh Duy	8	8	2009	9A1	THCS Văn Yên	Vật lí	6.5
23	**22**	L23	Nguyễn Thị Thùy Dương	25	8	2009	9A6	THCS Văn Yên	Vật lí	5.75
24	**22**	L24	Nguyễn Thùy Dương	12	1	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	Vật lí	5.75
25	**22**	L25	Đặng Trí Dương	30	6	2009	9A3	THCS Phú Lãm	Vật lí	8.75
26	**20**	L26	Đỗ Hải Đăng	16	1	2009	9A	THCS Biên Giang	Vật lí	4
27	**20**	L27	Nguyễn Minh Đức	10	10	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Vật lí	12.5
28	**20**	L28	Nguyễn Minh Đức	13	12	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Vật lí	12
29	**20**	L29	Đỗ Việt Đức	10	8	2009	9A1	THCS Văn Quán	Vật lí	5
30	**20**	L30	Nguyễn Hương Giang	21	6	2009	9A	THCS Biên Giang	Vật lí	2
31	**20**	L31	Bùi Việt Hà	23	7	2009	9A3	LMNX Tây Hà Nội	Vật lí	8
32	**20**	L32	Nguyễn Đăng Hoàng Hải	5	8	2009	9A1	THCS Phú Lương	Vật lí	16.25
33	**20**	L33	Nguyễn Hồng Hạnh	24	1	2009	9A7	THCS Văn Quán	Vật lí	6.75
34	**20**	L34	Dương Minh Hằng	10	1	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Vật lí	18.5
35	**20**	L35	Bùi Đức Hiển	24	7	2009	9A2	THCS Nguyễn Trãi	Vật lí	13.75
36	**20**	L36	Phạm Trung Hiếu	12	4	2009	9A4	THCS Phú Lãm	Vật lí	4.5
37	**20**	L37	Nguyễn Trọng Hùng	9	3	2009	9A8	THCS Lê Hồng Phong	Vật lí	12.25
38	**20**	L38	Nguyễn Huy	21	8	2009	9A6	THCS Văn Yên	Vật lí	9.75
39	**20**	L39	Nguyễn Quang Huy	22	8	2009	9A8	THCS Phú Lương	Vật lí	9.5
40	**20**	L40	Nguyễn Khánh Huyền	11	4	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Vật lí	9
41	**20**	L41	Lã Thanh Huyền	19	10	2009	9A5	THCS Văn Khê	Vật lí	16
42	**20**	L42	Đỗ Qúy Hưng	2	8	2009	9A1	THCS Nguyễn Trãi	Vật lí	17
43	**20**	L43	Nghiêm An Khang	6	6	2009	9A6	THCS Văn Quán	Vật lí	6
44	**20**	L44	Nguyễn Công Minh Khánh	24	12	2009	9A1	THCS Phú Lương	Vật lí	14
45	**20**	L45	Nguyễn Duy Khánh	30	10	2009	9A3	THCS Phú Lãm	Vật lí	5.25
46	**20**	L46	Cao Hồng Khánh	4	1	2009	9A9	THCS Dương Nội	Vật lí	12.25
47	**20**	L47	Nguyễn Văn Khánh	19	3	2009	9A6	THCS Lê Lợi	Vật lí	14
48	**20**	L48	Nguyễn Vân Khánh	11	6	2009	9A3	THCS Văn Yên	Vật lí	15.75
49	**20**	L49	Nguyễn Chí Kiên	15	11	2009	9A5	THCS Mỗ Lao	Vật lí	14.75
50	**20**	L50	Nguyễn Thiện Kỳ	26	2	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Vật lí	17
51	**23**	L51	Bùi Hoàng Lâm	1	9	2009	9A9	THCS Trần Đăng Ninh	Vật lí	12.5
52	**23**	L52	Nguyễn Khắc Minh Lâm	2	2	2009	9A2	THCS Lê Lợi	Vật lí	15.5
53	**23**	L53	Trần Tùng Lâm	13	2	2009	9A1	THCS Văn Yên	Vật lí	12.5
54	**23**	L54	Nguyễn Viết Đinh Lâm	4	11	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Vật lí	9.75
55	**23**	L55	Hoàng Vũ Đức Lâm	2	5	2009	9A3	THCS Phú La	Vật lí	13.5
56	**23**	L56	Nguyễn Tiến Lân	5	5	2009	9A3	THCS Mậu Lương	Vật lí	6
57	**23**	L57	Nguyễn Trịnh An Lê	7	4	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	Vật lí	9.25
58	**23**	L58	Nguyễn Hà Linh	29	5	2009	9A3	THCS Phú Lương	Vật lí	9
59	**23**	L59	Nguyễn Khánh Linh	6	2	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Vật lí	14.5
60	**23**	L60	Trần Tuyết Mai	17	2	2009	9A	THCS Biên Giang	Vật lí	1.25
61	**23**	L61	Nguyễn Bình Minh	31	3	2009	9T2	THCS Ban Mai	Vật lí	12.75
62	**23**	L62	Ngô Doãn Tuấn Minh	28	2	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Vật lí	16
63	**23**	L63	Nguyễn Đăng Bảo Minh	5	4	2009	9A6	THCS Lê Lợi	Vật lí	13.5
64	**23**	L64	Lê Hiếu Minh	29	4	2009	9A1	THCS Văn Quán	Vật lí	3
65	**23**	L65	Nguyễn Nhật Minh	18	2	2009	9A5	THCS Lê Lợi	Vật lí	15.25
66	**23**	L66	Lê Quang Minh	31	7	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Vật lí	10.5
67	**23**	L67	Nguyễn Tuấn Minh	1	6	2009	9A2	THCS Vạn Phúc	Vật lí	1.5
68	**23**	L68	Hà Bảo Nam	31	5	2009	9A9	THCS Dương Nội	Vật lí	8.5
69	**23**	L69	Nguyễn Vũ Diệu Ngân	23	1	2009	9S	THCS Ban Mai	Vật lí	8
70	**23**	L70	Lê Thị Bích Ngọc	16	09	2009	9A8	THCS Yên Nghĩa	Vật lí	7.25
71	**23**	L71	Bùi Minh Nhân	26	8	2009	9A1	THCS Phú Cường	Vật lí	11.25
72	**23**	L72	Lê Quang Nhật	2	1	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Vật lí	13.5

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
73	23	L73	Đỗ Dương Hiền Nhi	26	9	2009	9A2	THCS Mỗ Lao	Vật lí	3
74	23	L74	Trần Khánh Nhi	7	7	2009	9A9	THCS Phú La	Vật lí	8.25
75	21	L75	Nguyễn Hà Phong	12	8	2009	9P4	Marie Curie	Vật lí	3.5
76	21	L76	Nguyễn Chính Phúc	16	1	2009	9A1	THCS Vạn Phúc	Vật lí	14.5
77	21	L77	Trần Hà Phương	14	1	2009	9A1	THCS Mỗ Lao	Vật lí	6
78	21	L78	Nguyễn Tiến Quang	25	5	2009	9A9	THCS Nguyễn Trãi	Vật lí	17.25
79	21	L79	Hoàng Võ Hà Quảng	06	09	2009	9A8	THCS Yên Nghĩa	Vật lí	7
80	21	L80	Đặng Hải Sơn	17	4	2009	9A9	THCS Trần Đăng Ninh	Vật lí	3
81	21	L81	Vũ Minh Sơn	11	11	2009	9A9	THCS Phú La	Vật lí	8.75
82	21	L82	Đỗ Phúc Thanh	14	2	2009	9T2	THCS Ban Mai	Vật lí	6
83	21	L83	Phạm Trí Thanh	21	10	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Vật lí	14.25
84	21	L84	Trần Phương Thảo	24	12	2009	9A3	THCS Phú La	Vật lí	10.25
85	21	L85	Nguyễn Minh Thư	24	6	2009	9A7	THCS Nguyễn Trãi	Vật lí	4
86	21	L86	Nguyễn Thủy Tiên	22	9	2009	9A7	THCS Trần Đăng Ninh	Vật lí	0.5
87	21	L87	Lê Viết Tiến	20	5	2009	9T2	THCS Ban Mai	Vật lí	10
88	21	L88	Nguyễn Đắc Tôm	25	5	2009	9A6	THCS Phú Cường	Vật lí	6
89	21	L89	Lê Hà Trang	9	6	2009	9A3	THCS Phú La	Vật lí	10.75
90	21	L90	Trịnh Minh Triết	15	12	2009	9A1	THCS Phú Lương	Vật lí	15.5
91	21	L91	Đỗ Thị Tuyết Trinh	22	10	2009	9A5	THCS Phú La	Vật lí	11
92	21	L92	Lê Đức Trung	27	7	2009	9A9	THCS Phú Lương	Vật lí	12.5
93	21	L93	Phạm Đức Trung	22	10	2009	9A3	THCS Phú La	Vật lí	3
94	21	L94	Nguyễn Xuân Minh Tuấn	18	4	2009	9A10	THCS Dương Nội	Vật lí	12.75
95	21	L95	Nguyễn Minh Tùng	19	10	2009	9A7	THCS Lê Hồng Phong	Vật lí	10.75
96	21	L96	Bùi Thị Tuyết	4	4	2009	9A1	THCS Phú Cường	Vật lí	11.5
97	21	L97	Nguyễn Đại Vĩ	3	6	2009	9A1	THCS Mỗ Lao	Vật lí	11.25
98	21	L98	Vũ Nguyên Vũ	26	9	2009	9A2	LMNX Tây Hà Nội	Vật lí	17.25
99	21	L99	Lưu Yến Vy	25	11	2009	9A8	THCS Trần Đăng Ninh	Vật lí	7
1	27	G01	Nguyễn Đoàn Hà An	20	5	2009	9A5	THCS Văn Yên	GDCD	10.75
2	27	G02	Nguyễn Kim Hòa An	31	3	2009	9A9	THCS Lê Quý Đôn	GDCD	13
3	27	G03	Đặng Thị Hoàng An	13	5	2009	9A5	THCS Phú La	GDCD	12.5
4	27	G04	Phạm Châu Anh	11	12	2009	9A5	THCS Phú La	GDCD	10.5
5	27	G05	Trần Châu Anh	11	8	2009	9A2	THCS Văn Quán	GDCD	13
6	27	G06	Nguyễn Chu Huyền Anh	6	7	2009	9A4	THCS Lê Lợi	GDCD	13
7	27	G07	Nguyễn Hà Anh	10	3	2009	9A7	THCS Văn Khê	GDCD	10
8	27	G08	Nguyễn Hải Anh	29	1	2009	9A4	THCS Nguyễn Trãi	GDCD	7
9	27	G09	Lê Hoàng Anh	3	6	2009	9A9	THCS Phú La	GDCD	6.25
10	27	G10	Dương Hồng Anh	4	2	2009	9A6	THCS Dương Nội	GDCD	10.25
11	27	G11	Nguyễn Mai Anh	31	12	2009	9A8	THCS Mỗ Lao	GDCD	10.75
12	24	G12	Nguyễn Mai Anh	2	11	2009	9A3	THCS Phú Lãm	GDCD	13
13	24	G14	Phan Minh Anh	2	8	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	GDCD	11.5
14	24	G15	Trần Minh Anh	11	10	2009	9A6	THCS Dương Nội	GDCD	7
15	24	G16	Nguyễn Phương Anh	19	3	2009	9A2	THCS Văn Quán	GDCD	14
16	24	G17	Đoàn Quỳnh Anh	24	11	2009	9A4	THCS Lê Lợi	GDCD	3.5
17	24	G18	Nguyễn Quỳnh Anh	12	5	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	GDCD	13
18	24	G20	Nguyễn Thị Phương Anh	10	9	2009	9A5	THCS Văn Yên	GDCD	12
19	28	G21	Hoàng Thu Anh	27	9	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	GDCD	13.5
20	28	G22	Phạm Trâm Anh	26	6	2009	9A5	THCS Phú La	GDCD	9.25
21	28	G23	Cao Trần Huyền Anh	25	12	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	GDCD	12.75
22	28	G24	Vương Trần Anh	17	10	2009	9I	THCS Ban Mai	GDCD	4
23	28	G25	Nguyễn Hồng Ánh	16	3	2009	9A7	THCS Văn Khê	GDCD	9
24	28	G26	Thái Ngọc Ánh	14	11	2009	9I	THCS Ban Mai	GDCD	8.5

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
25	28	G27	Nguyễn Nguyệt Ánh	1	7	2009	9A1	THCS Phú La	GDCD	12
26	28	G28	Tưởng Thị Minh Ánh	9	7	2009	9A1	THCS Phú Lương	GDCD	11
27	28	G29	Nguyễn Thục Ánh	16	5	2009	9A5	THCS Văn Khê	GDCD	10.75
28	28	G30	Kiều Gia Bảo	25	12	2009	9A8	THCS Trần Đăng Ninh	GDCD	6
29	28	G31	Lê Gia Bảo	29	7	2009	9A7	THCS Nguyễn Trãi	GDCD	10.25
30	28	G32	Nguyễn Ngọc Bảo	10	12	2009	9A6	THCS Dương Nội	GDCD	13.5
31	28	G33	Nguyễn Thị Tâm Bình	21	6	2009	9A7	THCS Văn Khê	GDCD	9.5
32	28	G34	Nguyễn Bảo Châu	10	9	2009	9A1	THCS Phú La	GDCD	11.5
33	28	G35	Nguyễn Ngọc Minh Châu	12	9	2009	9A3	THCS Mậu Lương	GDCD	11.25
34	28	G36	Bùi Thị Minh Châu	21	10	2009	9A5	THCS Trần Đăng Ninh	GDCD	8.5
35	28	G37	Trần Ngọc Khánh Chi	3	1	2009	9A2	THCS Văn Quán	GDCD	16.5
36	28	G38	Nguyễn Phương Chi	7	10	2009	9A6	THCS Lê Hồng Phong	GDCD	8.5
37	28	G39	Bùi Thảo Chi	29	7	2009	9A6	THCS Dương Nội	GDCD	12.5
38	28	G40	Phạm Thị Hà Chi	7	10	2009	9A4	THCS Phú Lãm	GDCD	11
39	28	G41	Phan Thị Chi	15	8	2009	9A3	THCS Phú Lương	GDCD	12
40	28	G42	Nguyễn Phương Chinh	12	8	2009	9A3	THCS Phú Lương	GDCD	11.25
41	28	G43	Nguyễn Minh Dũng	8	6	2009	9A2	THCS Phú Lãm	GDCD	11
42	28	G44	Nguyễn Tấn Dũng	18	2	2009	9A6	THCS Mậu Lương	GDCD	9.5
43	28	G45	Nguyễn Minh Duy	30	5	2009	9A6	THCS Mậu Lương	GDCD	8
44	28	G46	Lê Thị Ánh Dương	27	5	2009	9A4	THCS Nguyễn Trãi	GDCD	9.25
45	25	G47	Nguyễn Thùy Dương	26	10	2009	9A5	THCS Văn Yên	GDCD	10.5
46	25	G48	Đoàn Trần Linh Đan	14	10	2009	9A4	THCS Phú Lãm	GDCD	9.5
47	25	G49	Phan Châu Giang	26	5	2009	9A3	THCS Phú La	GDCD	10.5
48	25	G50	Bùi Hương Giang	6	12	2009	9A4	THCS Phú Lương	GDCD	7.5
49	25	G51	Nguyễn Hương Giang	13	4	2009	9A7	THCS Lê Hồng Phong	GDCD	10.25
50	25	G52	Ngô Thị Minh Giang	29	3	2009	9A6	THCS Dương Nội	GDCD	14.75
51	25	G53	Phùng Ngọc Hà	22	9	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	GDCD	12.5
52	25	G54	Trương Ngọc Hà	12	7	2009	9A8	THCS Mỗ Lao	GDCD	12
53	25	G55	Nguyễn Thanh Hằng	20	11	2009	9A1	THCS Văn Khê	GDCD	14
54	25	G56	Đỗ Thị Thu Hằng	21	12	2009	9A6	THCS Dương Nội	GDCD	10.5
55	25	G57	Đỗ Thúy Hằng	2	6	2009	9A7	THCS Văn Khê	GDCD	10.5
56	25	G58	Trần Phạm Thuý Hiền	11	8	2009	9A8	THCS Văn Quán	GDCD	16.75
57	25	G59	Trần Vũ Hiếu	26	11	2009	9A7	THCS Lê Hồng Phong	GDCD	6.5
58	25	G60	Nguyễn Thị Hoàn	5	8	2009	9A6	THCS Đồng Mai	GDCD	6.75
59	25	G61	Nguyễn Phúc Minh Hoàng	5	10	2009	9A7	THCS Nguyễn Trãi	GDCD	11
60	25	G62	Tô Gia Hồng	10	8	2009	9A8	THCS Văn Quán	GDCD	16.5
61	25	G63	Bùi Thị Huệ	4	8	2009	9A3	THCS Phú Lương	GDCD	10.75
62	25	G64	Lưu Đình Huy	28	3	2009	9A4	THCS Nguyễn Trãi	GDCD	12
63	25	G65	Phan Gia Huy	23	7	2009	9A8	THCS Trần Đăng Ninh	GDCD	5
64	25	G66	Chu Thanh Huyền	4	10	2009	9A4	THCS Nguyễn Trãi	GDCD	6
65	25	G67	Dương Thị Khánh Huyền	1	9	2009	9A5	THCS Phú Lương	GDCD	10
66	25	G68	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	25	12	2009	9A5	THCS Trần Đăng Ninh	GDCD	8
67	25	G69	Phạm Anh Minh Khuê	19	6	2009	9A1	THCS Văn Khê	GDCD	8.5
68	25	G70	Hoàng Thị Minh Khuê	12	10	2009	9A1	THCS Văn Yên	GDCD	10
69	25	G71	Phạm Quỳnh Lâm	12	5	2009	9A4	THCS Lê Quý Đôn	GDCD	10
70	25	G72	Hoàng Hà Linh	17	9	2009	9A5	THCS Trần Đăng Ninh	GDCD	11
71	25	G73	Hoàng Khánh Linh	1	1	2009	9A6	THCS Dương Nội	GDCD	12.25
72	26	G74	Vũ Khánh Linh	27	112	2009	9A7	THCS Nguyễn Trãi	GDCD	9
73	26	G75	Phùng Ngọc Linh	15	10	2009	9A4	THCS Trần Đăng Ninh	GDCD	10.25
74	26	G76	Trần Nguyễn Hà Linh	4	9	2009	9A2	THCS Vạn Phúc	GDCD	6
75	26	G77	Đặng Phương Linh	10	9	2009	9A8	THCS Văn Quán	GDCD	15

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
76	26	G78	Nguyễn Phương Linh	21	10	2009	9A8	THCS Mỗ Lao	GDCD	12.5
77	26	G79	Nguyễn Phương Linh	12	7	2009	9A1	THCS Phú Lương	GDCD	10
78	26	G80	Nguyễn Thị Khánh Linh	31	8	2009	9A6	THCS Dương Nội	GDCD	9
79	26	G81	Trần Cẩm Ly	9	11	2009	9A7	THCS Lê Hồng Phong	GDCD	9.5
80	26	G82	Đinh Khánh Ly	4	5	2009	9A9	THCS Lê Quý Đôn	GDCD	10.25
81	26	G83	Bạch Ngọc Mai	6	10	2009	9A2	THCS Văn Quán	GDCD	13.25
82	26	G84	Nguyễn Vũ Trúc Mai	29	8	2009	9A4	THCS Lê Quý Đôn	GDCD	12.5
83	26	G85	Nguyễn Ngọc Tú Mi	23	7	2009	9A3	THCS Phú Lãm	GDCD	10.25
84	26	G86	Đinh Nhật Minh	24	6	2009	9A8	THCS Mỗ Lao	GDCD	12
85	26	G87	Nguyễn Quang Minh	1	4	2009	9A2	THCS Mậu Lương	GDCD	7
86	26	G88	Nguyễn Thuận Minh	15	12	2009	9A1	THCS Văn Khê	GDCD	12
87	26	G89	Vũ Tuấn Anh Minh	3	4	2009	9A6	THCS Trần Đăng Ninh	GDCD	7.5
88	26	G90	Nguyễn Đức Huyền My	1	10	2009	9A3	THCS Phú Cường	GDCD	13
89	26	G91	Nguyễn Trà My	27	7	2009	9A1	THCS Vạn Phúc	GDCD	7.75
90	26	G92	Phan Nguyễn Bảo Nam	19	1	2009	9A5	THCS Phú La	GDCD	7
91	26	G93	Nguyễn Kiều Phương Ngân	6	7	2009	9I	THCS Ban Mai	GDCD	6.5
92	26	G94	Nguyễn Thị Kim Ngân	1	5	2009	9A4	THCS Lê Quý Đôn	GDCD	10.5
93	26	G95	Ngô Thị Tuyết Ngọc	14	6	2009	9A	THCS Biên Giang	GDCD	8.25
94	26	G96	Đỗ Phương Nguyên	5	1	2009	9A2	THCS Lê Quý Đôn	GDCD	10
95	26	G97	Vũ Hoàng Yến Nhi	11	12	2009	9A4	THCS Nguyễn Trãi	GDCD	11.75
96	26	G98	Đỗ Uyên Nhi	27	7	2009	9A4	THCS Vạn Phúc	GDCD	9.5
97	26	G99	Nguyễn Hoàng Bảo Như	24	12	2009	9A7	THCS Trần Đăng Ninh	GDCD	2.75
98	27	G100	Vũ Hà Phương	11	12	2009	9A2	THCS Văn Quán	GDCD	9.5
99	27	G101	Nghiêm Khánh Phương	3	2	2009	9A4	THCS Văn Yên	GDCD	9
100	27	G102	Ngô Nguyễn Hà Phương	26	7	2009	9A	THCS Biên Giang	GDCD	9
101	27	G103	Nguyễn Thị Hoài Phương	6	4	2009	9A4	THCS Nguyễn Trãi	GDCD	7.5
102	27	G104	Vũ Lê Minh Quân	20	10	2009	9A1	THCS Văn Yên	GDCD	9.75
103	27	G105	Trịnh Như Quỳnh	8	3	2009	9A6	THCS Đồng Mai	GDCD	9.5
104	27	G106	Đào Thị Quỳnh	2	6	2009	9A2	THCS Phú Cường	GDCD	12.75
105	27	G107	Nguyễn Xuân Sơn	6	2	2009	9A1	THCS Văn Yên	GDCD	10.5
106	27	G108	Phùng Phương Thảo	12	4	2009	9A8	THCS Văn Yên	GDCD	12
107	27	G109	Nguyễn Thị Dạ Thảo	18	9	2009	9A6	THCS Đồng Mai	GDCD	10.25
108	27	G110	Đỗ Thị Thanh Thảo	25	11	2009	9A6	THCS Dương Nội	GDCD	12.5
109	27	G111	Đỗ Minh Thu	6	1	2009	9A4	THCS Lê Quý Đôn	GDCD	12.75
110	27	G112	Nguyễn Phương Thúy	12	1	2009	9A1	THCS Văn Khê	GDCD	12.5
111	27	G113	Ngô Thị Thùy	8	1	2009	9A6	THCS Đồng Mai	GDCD	5.5
112	27	G114	Phương Anh Thư	13	10	2009	9A5	THCS Trần Đăng Ninh	GDCD	5
113	24	G115	Nguyễn Minh Thy	25	12	2009	9A6	THCS Trần Đăng Ninh	GDCD	5
114	24	G116	Hoàng Quỳnh Thy	29	6	2009	9A10	THCS Dương Nội	GDCD	14.5
115	24	G117	Nguyễn Vũ Thủy Tiên	20	4	2009	9A8	THCS Trần Đăng Ninh	GDCD	6.5
116	24	G118	Nguyễn Huyền Trang	7	1	2009	9A4	THCS Phú Lương	GDCD	14
117	24	G119	Bùi Minh Trang	28	2	2009	9A4	THCS Phú La	GDCD	12.75
118	24	G120	Lê Thị Huyền Trang	22	5	2009	9A9	THCS Phú La	GDCD	7.25
119	24	G121	Trịnh Thị Minh Trang	7	2	2009	9A9	THCS Lê Quý Đôn	GDCD	11
120	24	G122	Phạm Thùy Trang	27	12	2009	9A5	THCS Mậu Lương	GDCD	7
121	24	G123	Lê Bảo Trâm	19	10	2009	9A7	THCS Yên Nghĩa	GDCD	10.5
122	24	G124	Đỗ Hoàng Bảo Trâm	9	3	2009	9A4	THCS Lê Lợi	GDCD	4
123	24	G125	Đoàn Thanh Trúc	17	4	2009	9A2	THCS Đồng Mai	GDCD	7.75
124	24	G126	Trần Thanh Tú	14	6	2009	9A8	THCS Mỗ Lao	GDCD	13.25
125	24	G127	Trần Tú Uyên	3	6	2009	9A2	THCS Văn Yên	GDCD	12.5
126	24	G128	Thái Thanh Vân	28	2	2009	9A8	THCS Văn Yên	GDCD	5

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
127	**24**	G129	Nguyễn Phương Thảo Vi	28	4	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	GDCD	11
128	**24**	G130	Sophie Ngọc Visser	17	3	2009	9I	THCS Ban Mai	GDCD	11
129	**24**	G131	Bùi Hà Vy	6	9	2009	9A1	THCS Văn Yên	GDCD	8
130	**24**	G132	Lê Nguyễn Thảo Vy	12	10	2009	9A2	THCS Đồng Mai	GDCD	10.75
1	**29**	H01	Nguyễn Hải Thanh An	17	5	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Hóa học	14.0
2	**29**	H02	Vũ Thành An	29	12	2009	9A5	THCS Yên Nghĩa	Hóa học	5.5
3	**29**	H03	Nguyễn Đức Anh	9	11	2009	9A3	THCS Văn Yên	Hóa học	5.25
4	**29**	H04	Nguyễn Đức Anh	19	11	2009	9A3	THCS Lê Quý Đôn	Hóa học	9.75
5	**29**	H05	Trần Hồng Anh	1	6	2009	9A2	THCS Lê Lợi	Hóa học	9.5
6	**29**	H06	Phạm Kiều Anh	11	2	2009	9T1	THCS Ban Mai	Hóa học	5.75
7	**29**	H07	Nguyễn Kim Anh	30	6	2009	9A9	THCS Phú Lương	Hóa học	14.25
8	**29**	H08	Nguyễn Kim Anh	14	10	2009	9A7	THCS Văn Quán	Hóa học	5.75
9	**29**	H09	Nguyễn Mai Anh	26	8	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Hóa học	4.25
10	**29**	H10	Nguyễn Minh Tâm Anh	10	4	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Hóa học	9.0
11	**29**	H11	Hoàng Nguyễn Bảo Anh	28	9	2009	9A2	THCS Văn Yên	Hóa học	5.25
12	**33**	H12	Nguyễn Quỳnh Anh	20	4	2009	9A7	THCS Trần Đăng Ninh	Hóa học	5.5
13	**33**	H13	Vũ Quỳnh Anh	20	6	2009	9A5	THCS Lê Lợi	Hóa học	13.75
14	**33**	H14	Nguyễn Thục Anh	26	9	2009	9A5	THCS Mỗ Lao	Hóa học	6.5
15	**33**	H15	Nguyễn Tuấn Anh	02	08	2009	9M5	Marie Curie	Hóa học	6.25
16	**33**	H16	Nguyễn Tuệ Anh	16	9	2009	9A1	THCS Lê Lợi	Hóa học	16.0
17	**33**	H17	Nguyễn Kim Hoàng Bách	26	7	2009	9A2	THCS Phú Cường	Hóa học	12.5
18	**33**	H18	Tạ Chí Bảo	13	5	2009	9A10	THCS Dương Nội	Hóa học	11.75
19	**31**	H19	Nguyễn Gia Bảo	1	9	2009	9A3	Hà Nội - Thăng Long	Hóa học	10.0
20	**31**	H20	Đinh Gia Bình	23	2	2009	9A2	THCS Vạn Phúc	Hóa học	5.25
21	**31**	H21	Lê Thị Minh Châu	30	6	2009	9A6	THCS Lê Lợi	Hóa học	15.25
22	**31**	H22	Ngô Tùng Chi	18	11	2009	9A8	THCS Trần Đăng Ninh	Hóa học	6.25
23	**31**	H23	Nguyễn Hoàng Chương	21	5	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Hóa học	11.0
24	**31**	H24	Trần Đức Dung	4	2	2009	9A6	THCS Lê Hồng Phong	Hóa học	5.25
25	**31**	H25	Trần Đức Hùng Dũng	10	3	2009	9A2	THCS Lê Quý Đôn	Hóa học	12.0
26	**31**	H26	Nguyễn Minh Dũng	21	7	2009	9A1	THCS Phú Cường	Hóa học	9.25
27	**31**	H27	Nguyễn Tấn Dũng	5	5	2009	9A7	THCS Phú La	Hóa học	15.5
28	**31**	H28	Đỗ Nhật Duy	14	1	2009	9A8	THCS Lê Quý Đôn	Hóa học	12.5
29	**31**	H29	Vũ Thảo Duyên	30	1	2009	9A4	THCS Lê Hồng Phong	Hóa học	3.5
30	**31**	H30	Đào Thị Duyên	13	12	2009	9A	THCS Biên Giang	Hóa học	5.25
31	**31**	H31	Hoàng Trọng Dư	9	7	2009	9A8	THCS Văn Khê	Hóa học	6.75
32	**31**	H32	Trịnh Tiến Đạt	20	5	2009	9A1	THCS Lê Lợi	Hóa học	11.25
33	**31**	H33	Phạm Văn Đạt	24	9	2009	9A9	THCS Dương Nội	Hóa học	5.75
34	**31**	H34	Lê Hải Đăng	17	4	2009	9H2	HAS	Hóa học	12.5
35	**31**	H35	Nguyễn Khải Đăng	16	2	2009	9A1	LMNX Tây Hà Nội	Hóa học	1.5
36	**31**	H36	Nguyễn Anh Đức	15	11	2009	9A1	THCS Lê Lợi	Hóa học	16.5
37	**31**	H37	Vũ Minh Đức	30	10	2009	9A3	THCS Phú Lãm	Hóa học	5.75
38	**31**	H38	Trần Xuân Đức	27	6	2009	9A10	THCS Văn Yên	Hóa học	7.5
39	**31**	H39	Bùi Đức Giang	5	10	2009	9A4	THCS Lê Lợi	Hóa học	15.0
40	**31**	H40	Lê Nguyễn Trường Giang	7	11	2009	9A4	THCS Dương Nội	Hóa học	8.5
41	**31**	H41	Nguyễn Đình Thái Hà	7	1	2009	9A1	THCS Phú Lương	Hóa học	11.0
42	**31**	H42	Lưu Mai Hoa	19	6	2009	9A3	THCS Mậu Lương	Hóa học	1.5
43	**31**	H43	Đặng Đức Thái Hòa	6	11	2009	9A10	THCS Dương Nội	Hóa học	5.75
44	**31**	H44	Đỗ Xuân Hòa	11	1	2009	9A1	THCS Nguyễn Trãi	Hóa học	3.0
45	**31**	H45	Đỗ Đức Hoàng	10	2	2009	9A6	THCS Văn Khê	Hóa học	3.25
46	**32**	H46	Phạm Trọng Hoàng	29	7	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Hóa học	5.5
47	**32**	H47	Nguyễn Xuân Hoàng	11	10	2009	9A3	THCS Kiến Hưng	Hóa học	5.25

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
48	32	H48	Phạm Bích Hồng	23	1	2009	9A9	THCS Phú Lương	Hóa học	12.0
49	32	H49	Bùi Tiến Hùng	20	11	2009	9A2	THCS Dương Nội	Hóa học	7.25
50	32	H50	Phạm Nhật Huy	10	9	2009	9A2	THCS Vạn Phúc	Hóa học	4.5
51	32	H51	Bùi Lan Hương	15	1	2009	9A3	LMNX Tây Hà Nội	Hóa học	8.0
52	32	H52	Nguyễn Thị Lan Hương	17	10	2009	9A3	THCS Mậu Lương	Hóa học	0.5
53	32	H53	Lê Đức Khải	15	11	2009	9A5	THCS Phú La	Hóa học	5.75
54	32	H54	Phạm Gia Khiêm	31	1	2009	9A8	THCS Văn Quán	Hóa học	8.75
55	32	H55	Phạm Anh Khoa	7	2	2009	9A4	THCS Văn Yên	Hóa học	3.25
56	32	H56	Đặng Đình Đăng Khoa	25	12	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Hóa học	15.0
57	32	H57	Lê Văn Khoa	13	10	2009	9A8	THCS Lê Quý Đôn	Hóa học	10.0
58	32	H58	Trần Bảo Lâm	8	12	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Hóa học	6.5
59	32	H59	Nguyễn Hoàng Lâm	6	4	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Hóa học	16.5
60	32	H60	Nguyễn Đình Linh	18	11	2009	9A2	THCS Phú La	Hóa học	9.0
61	32	H61	Cao Gia Linh	23	11	2009	9A10	THCS Dương Nội	Hóa học	9.75
62	32	H62	Lê Gia Linh	15	4	2009	9A6	THCS Lê Hồng Phong	Hóa học	6.75
63	32	H63	Phan Khánh Linh	17	12	2009	9A5	THCS Lê Quý Đôn	Hóa học	10.0
64	32	H64	Hoàng Ngọc Linh	26	8	2009	9A1	LMNX Tây Hà Nội	Hóa học	4.5
65	32	H65	Lê Nguyễn Diệu Linh	8	2	2009	9A1	THCS Lê Lợi	Hóa học	17.75
66	32	H66	Đỗ Nhật Linh	29	11	2009	9A6	THCS Văn Khê	Hóa học	7.5
67	32	H67	Nguyễn Thị Hà Linh	5	10	2009	9A2	THCS Văn Quán	Hóa học	13.5
68	32	H68	Trần Thiện Linh	4	10	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Hóa học	6.0
69	32	H69	Hoàng Vy Linh	19	7	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Hóa học	7.0
70	32	H70	Đặng Việt Long	8	7	2009	9A2	Hà Nội - Thăng Long	Hóa học	10.25
71	30	H71	Quang Thị Diệu Ly	5	10	2009	9A7	THCS Văn Khê	Hóa học	10.0
72	30	H72	Nguyễn Hà Thanh Mai	31	10	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Hóa học	13.75
73	30	H73	Vũ Thanh Mai	15	1	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Hóa học	14.25
74	30	H74	Lê Đình Tiến Mạnh	13	2	2009	9A7	THCS Trần Đăng Ninh	Hóa học	6.0
75	30	H75	Trần Đức Mạnh	22	6	2009	9A5	THCS Mỗ Lao	Hóa học	8.5
76	30	H76	Đỗ Đức Minh	18	12	2009	9A8	THCS Trần Đăng Ninh	Hóa học	9.0
77	30	H77	Bùi Gia Minh	29	1	2009	9A2	THCS Phú Lương	Hóa học	15.0
78	30	H78	Mai Hoàng Minh	02	07	2009	9A4	THCS Yên Nghĩa	Hóa học	7.5
79	30	H79	Bùi Khánh Minh	6	12	2009	9A4	THCS Trần Đăng Ninh	Hóa học	5.5
80	30	H80	Nguyễn Ngọc Minh	28	4	2009	9A8	THCS Mỗ Lao	Hóa học	6.5
81	30	H81	Nguyễn Ngọc Quang Minh	18	10	2009	9A2	THCS Lê Quý Đôn	Hóa học	11.0
82	30	H82	Nguyễn Nhật Minh	4	6	2009	9A6	THCS Lê Hồng Phong	Hóa học	6.5
83	30	H83	Nguyễn Sỹ Đức Minh	7	1	2009	9A2	THCS Lê Lợi	Hóa học	11.75
84	30	H84	Lưu Trần Nhật Minh	07	10	2009	9P4	Marie Curie	Hóa học	1.5
85	30	H85	Đào Thị Trà My	23	10	2009	9A5	THCS Phú Cường	Hóa học	7.5
86	30	H86	Lương Trọng Nghĩa	22	3	2009	9A2	THCS Văn Yên	Hóa học	11.5
87	30	H87	Lê Bảo Ngọc	16	8	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Hóa học	7.75
88	30	H88	Nguyễn Bình Nguyên	18	10	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Hóa học	13.0
89	30	H89	Nguyễn Khôi Nguyên	6	12	2009	9A3	THCS Mậu Lương	Hóa học	3.5
90	30	H90	Nguyễn Thế Khôi Nguyên	16	10	2009	9A1	THCS Nguyễn Trãi	Hóa học	7.75
91	30	H91	Nguyễn Thành Nhân	2	1	2009	9A9	THCS Lê Quý Đôn	Hóa học	16.75
92	30	H92	Dương Minh Nhật	7	10	2009	9A4	THCS Dương Nội	Hóa học	11.0
93	30	H94	Phùng Vũ Nguyệt Nhi	16	1	2009	9A1	THCS Phú La	Hóa học	5.25
94	30	H95	Kiều Hải Phong	1	3	2009	9A3	THCS Phú La	Hóa học	9.75
95	30	H96	Nguyễn Mạnh Phong	17	10	2009	9A3	THCS Mậu Lương	Hóa học	3.25
96	30	H97	Cao Minh Phúc	23	12	2009	9A1	THCS Lê Lợi	Hóa học	17.0
97	30	H98	Nguyễn Linh Phương	16	2	2009	9T2	THCS Ban Mai	Hóa học	15.75
98	29	H100	Lê Minh Quang	13	08	2009	9A3	THCS Yên Nghĩa	Hóa học	5.25

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
99	29	H101	Nguyễn Thục Quyên	1	12	2009	9S	THCS Ban Mai	Hóa học	4.75
100	29	H102	Đào Tú Quyên	1	12	2009	9A5	THCS Phú Cường	Hóa học	8.25
101	29	H103	Dư Thị Như Quỳnh	21	8	2009	9A10	THCS Dương Nội	Hóa học	8.0
102	29	H104	Trần Anh Sơn	14	5	2009	9A8	THCS Lê Hồng Phong	Hóa học	9.0
103	29	H105	Phùng Minh Sơn	24	3	2009	9A4	THCS Phú La	Hóa học	4.25
104	29	H106	Trần Bảo Thanh	17	5	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Hóa học	13.5
105	29	H107	Phùng Đức Thanh	15	6	2009	9A7	THCS Lê Hồng Phong	Hóa học	4.0
106	29	H108	Dương Minh Thành	23	11	2009	9A8	THCS Dương Nội	Hóa học	6.5
107	29	H109	Vũ Liên Thảo	19	06	2009	9A2	THCS Yên Nghĩa	Hóa học	6.5
108	29	H110	Hoàng Đức Thịnh	6	2	2009	9A4	THCS Trần Đăng Ninh	Hóa học	10.75
109	29	H111	Lê Thiên Thịnh	17	4	2009	9A8	THCS Phú Lương	Hóa học	13.0
110	29	H112	Nguyễn Thanh Thủy	11	10	2009	9T2	THCS Ban Mai	Hóa học	5.75
111	29	H113	Trần Hoàng Minh Thư	10	7	2009	9A11	THCS Văn Yên	Hóa học	5.25
112	29	H114	Đoàn Đình Bảo Tiến	12	10	2009	9A9	THCS Phú Lương	Hóa học	15.0
113	29	H115	Nguyễn Minh Tiến	26	11	2009	9A4	THCS Phú Lãm	Hóa học	6.0
114	29	H116	Nguyễn Đức Toàn	27	7	2009	9A7	THCS Văn Quán	Hóa học	5.25
115	33	H117	Nguyễn Khánh Trúc	9	12	2009	9A4	THCS Lê Lợi	Hóa học	15.25
116	33	H118	Nguyễn Đình Trung	13	5	2009	9A10	THCS Dương Nội	Hóa học	4.75
117	33	H119	Lê Đức Trung	27	7	2009	9A9	THCS Phú Lương	Hóa học	14.75
118	33	H120	Dương Tạ Việt Trung	15	3	2009	9A6	THCS Lê Hồng Phong	Hóa học	7.5
119	33	H121	Nghiêm Đỗ Đức Tú	16	7	2009	9A6	THCS Lê Lợi	Hóa học	16.5
120	33	H122	Nguyễn Tuấn Tú	31	1	2009	9A6	THCS Nguyễn Trãi	Hóa học	8.25
121	33	H123	Hoàng Nguyễn Minh Tuấn	11	1	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Hóa học	11.75
122	33	H124	Nguyễn Minh Tuệ	6	12	2009	9A1	THCS Văn Quán	Hóa học	6.75
123	33	H125	Lê Đăng Tùng	25	9	2009	9A5	THCS Văn Yên	Hóa học	5.0
124	33	H126	Đỗ Đức Tùng	18	5	2009	9A4	THCS Văn Yên	Hóa học	7.25
125	33	H127	Nguyễn Đức Tùng	3	12	2009	9A9	THCS Trần Đăng Ninh	Hóa học	11.0
126	33	H128	Nguyễn Khắc Minh Tùng	16	9	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Hóa học	9.75
127	33	H129	Tạ Phương Uyên	28	10	2009	9A6	THCS Lê Hồng Phong	Hóa học	4.25
128	33	H130	Lê Thu Uyên	11	10	2009	9A4	THCS Phú Lãm	Hóa học	4.25
129	33	H131	Diệp Thế Vinh	22	1	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Hóa học	15.0
130	33	H132	Đỗ Hoàng Nguyên Vũ	3	4	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Hóa học	5.25
131	33	H133	Đoàn Hà Vy	29	12	2009	9A1	THCS Vạn Phúc	Hóa học	5.0
132	33	H134	Quản Hà Vy	18	4	2009	9A6	THCS Văn Khê	Hóa học	2.75
133	33	H135	Hà Thiên Vy	19	01	2009	9A5	THCS Yên Nghĩa	Hóa học	0.5
134	33	H136	Nguyễn Đại Vĩ	3	6	2009	9A1	THCS Mỗ Lao	Hóa học	13.25
1	34	U01	Đặng Hoài An	16	11	2009	9A4	THCS Yên Nghĩa	Lịch sử	3.25
2	34	U02	Hoàng Vũ Phi An	18	10	2009	9A3	THCS Kiến Hưng	Lịch sử	13.75
3	34	U03	Nguyễn Châu Anh	21	10	2009	9A3	THCS Văn Yên	Lịch sử	1.25
4	34	U04	Nguyễn Đắc Quỳnh Anh	12	2	2009	9A6	THCS Văn Yên	Lịch sử	2
5	34	U05	Bùi Hà Anh	2	12	2009	9A6	THCS Trần Đăng Ninh	Lịch sử	0.5
6	34	U06	Nguyễn Hải Anh	19	4	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Lịch sử	7.75
7	34	U07	Lê Hoàng Kỳ Anh	3	7	2009	9A10	THCS Trần Đăng Ninh	Lịch sử	3.5
8	34	U08	Lê Hoàng Anh	12	1	2009	9A3	THCS Mậu Lương	Lịch sử	2.5
9	34	U09	Đỗ Huyền Anh	26	11	2009	9A5	THCS Trần Đăng Ninh	Lịch sử	10.5
10	34	U10	Bùi Mai Anh	10	9	2009	9A1	THCS Phú Lương	Lịch sử	7.5
11	34	U11	Đặng Minh Anh	31	7	2009	9M1	THCS Ban Mai	Lịch sử	3.5
12	34	U12	Hoàng Minh Anh	21	2	2009	9A5	THCS Văn Khê	Lịch sử	10
13	34	U13	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	31	3	2009	9A1	THCS Văn Quán	Lịch sử	4.5
14	34	U14	Lưu Ngọc Anh	19	2	2009	9B	THCS Biên Giang	Lịch sử	1.25
15	34	U15	Bùi Nguyễn Hoài Anh	3	3	2009	9A3	THCS Mậu Lương	Lịch sử	6.25

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
16	34	U16	Lê Nguyễn Huyền Anh	24	5	2009	9A3	THCS Phú La	Lịch sử	9.5
17	34	U17	Nguyễn Nhật Anh	29	7	2009	9A3	LMNX Tây Hà Nội	Lịch sử	7.5
18	34	U18	Vũ Phương Anh	25	3	2009	9A3	THCS Văn Yên	Lịch sử	5
19	34	U19	Dương Thị Phương Anh	5	12	2009	9A2	THCS Phú Cường	Lịch sử	8
20	34	U20	Phạm Bảo	5	3	2009	9A1	THCS Phú Lương	Lịch sử	8.25
21	34	U21	Hà Hoàng Minh Châu	28	8	2009	9A9	THCS Nguyễn Trãi	Lịch sử	8.75
22	34	U22	Bùi Lê Hải Châu	6	10	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	Lịch sử	11.75
23	34	U23	Đinh Minh Châu	14	11	2009	9A4	THCS Trần Đăng Ninh	Lịch sử	9.5
24	34	U24	Nguyễn Minh Châu	28	12	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Lịch sử	5.5
25	35	U25	Đặng Nguyễn Bảo Châu	28	12	2009	9A1	THCS Phú Lương	Lịch sử	8.5
26	35	U26	Đinh Thị Ngọc Châu	7	4	2009	9A2	THCS Đồng Mai	Lịch sử	2.25
27	35	U27	Vũ Khánh Chi	7	12	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Lịch sử	9
28	35	U28	Lê Linh Chi	24	11	2009	9A9	THCS Nguyễn Trãi	Lịch sử	7.75
29	35	U29	Lương Mai Chi	13	12	2009	9A1	THCS Lê Lợi	Lịch sử	6.75
30	35	U30	Nguyễn Thùy Chi	16	11	2009	9A1	THCS Mỗ Lao	Lịch sử	6
31	35	U31	Nguyễn Đình Dũng	15	10	2009	9A8	THCS Nguyễn Trãi	Lịch sử	5.5
32	35	U32	Lê Đức Chí Dũng	22	1	2009	9A6	THCS Lê Hồng Phong	Lịch sử	2.75
33	35	U34	Nguyễn Đức Duy	11	4	2009	9A6	THCS Lê Lợi	Lịch sử	7.5
34	35	U35	Vũ Đức Duy	3	8	2009	9A7	THCS Nguyễn Trãi	Lịch sử	5.25
35	35	U36	Tào Hoàng Ánh Dương	9	8	2009	9A6	THCS Trần Đăng Ninh	Lịch sử	3.5
36	35	U37	Nguyễn Hoàng Thùy Dương	31	5	2009	9A8	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử	3
37	35	U38	Đặng Thị Thùy Dương	30	11	2009	9A2	THCS Phú Cường	Lịch sử	6.5
38	35	U39	Đỗ Thùy Dương	17	8	2009	9A1	THCS Phú Lương	Lịch sử	6.25
39	35	U40	Dương Đăng Đại	9	6	2009	9A2	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử	5.75
40	35	U41	Thạch Bảo Điền	21	10	2009	9A7	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử	8.75
41	35	U42	Dương Minh Đức	14	7	2009	9A3	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử	8
42	35	U43	Lê Thị Minh Giang	3	9	2009	9A7	THCS Văn Yên	Lịch sử	10.25
43	35	U44	Nguyễn Bảo Hà	31	3	2009	9A4	THCS Phú La	Lịch sử	5
44	35	U45	Phạm Thu Hà	12	8	2009	9A3	THCS Văn Yên	Lịch sử	5.25
45	35	U46	Nguyễn Duy Hải	28	11	2009	9A4	THCS Vạn Phúc	Lịch sử	2.25
46	35	U47	Hoàng Gia Hải	17	10	2009	9A6	THCS Lê Lợi	Lịch sử	11
47	35	U48	Nguyễn Hoàng Hải	22	6	2009	9A4	THCS Vạn Phúc	Lịch sử	6.5
48	36	U49	Lò Việt Hải	14	4	2009	9A3	THCS Phú La	Lịch sử	8.5
49	36	U50	Nguyễn Minh Hằng	1	11	2009	9A6	THCS Văn Quán	Lịch sử	6
50	36	U51	Nguyễn Thúy Hằng	17	11	2009	9A5	THCS Văn Khê	Lịch sử	3.5
51	36	U52	Vy Thị Thanh Hoa	10	9	2009	9A4	THCS Dương Nội	Lịch sử	7.25
52	36	U53	Lê Thị Khánh Huyền	10	1	2009	9A3	THCS Kiến Hưng	Lịch sử	15.5
53	36	U54	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12	02	2009	9A1	THCS Yên Nghĩa	Lịch sử	4
54	36	U55	Đặng Gia Hưng	28	12	2009	9A5	THCS Văn Yên	Lịch sử	7.5
55	36	U56	Bùi Nhã Khanh	10	12	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Lịch sử	9.5
56	36	U57	Phạm Hồng Khiêm	21	7	2009	9T2	THCS Ban Mai	Lịch sử	6
57	36	U58	Khuất Ngọc Bảo Lan	10	10	2009	9A8	THCS Dương Nội	Lịch sử	3.5
58	36	U59	Trần Diệu Linh	29	7	2009	9A4	THCS Trần Đăng Ninh	Lịch sử	11
59	36	U60	Bùi Khánh Linh	20	5	2009	9A5	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử	7
60	36	U61	Nguyễn Khánh Linh	9	7	2009	9A8	THCS Mỗ Lao	Lịch sử	5.5
61	36	U62	Hoàng Ngọc Khánh Linh	2	12	2009	9T1	THCS Ban Mai	Lịch sử	7.75
62	36	U63	Nguyễn Ngọc Linh	3	8	2009	9A1	THCS Vạn Phúc	Lịch sử	11
63	36	U64	Phạm Ngọc Linh	14	7	2009	9A6	THCS Văn Yên	Lịch sử	1
64	36	U65	Vũ Nguyễn Hà Linh	29	12	2009	9A8	THCS Lê Hồng Phong	Lịch sử	4.75
65	36	U66	Vũ Nguyễn Khánh Linh	15	9	2009	9A7	THCS Văn Quán	Lịch sử	5.75
66	36	U67	Phạm Nguyễn Nhật Linh	19	8	2009	9A5	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử	5.5

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
67	36	U68	Hoàng Phương Linh	10	3	2009	9A1	THCS Văn Yên	Lịch sử	8.5
68	36	U69	Nguyễn Phương Linh	12	10	2009	9A1	THCS Phú La	Lịch sử	8
69	36	U70	Nguyễn Thùy Linh	14	12	2009	9A7	THCS Trần Đăng Ninh	Lịch sử	8.5
70	36	U71	Lê Vũ Long	26	1	2009	9A3	THCS Văn Yên	Lịch sử	3.25
71	36	U72	Nguyễn Gia Khánh Ly	26	6	2009	9A3	THCS Phú Lãm	Lịch sử	4.75
72	37	U73	Lê Hiền Minh	9	9	2009	9A6	THCS Kiến Hưng	Lịch sử	16.5
73	37	U74	Đào Nhật Minh	23	8	2009	9A1	THCS Lê Lợi	Lịch sử	8.75
74	37	U75	Trần Tuệ Minh	10	8	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Lịch sử	11.75
75	37	U76	Nguyễn Hà My	27	9	2009	9A6	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử	5.25
76	37	U77	Trần Bảo Nam	26	10	2009	9A4	THCS Yên Nghĩa	Lịch sử	7.5
77	37	U78	Nguyễn Hoàng Nam	17	11	2009	9A4	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử	5.5
78	37	U79	Nguyễn Phùng Ngọc Nam	24	7	2009	9A3	THCS Kiến Hưng	Lịch sử	16
79	37	U80	Nguyễn Khánh Ngân	5	11	2009	9A7	THCS Văn Quán	Lịch sử	5.75
80	37	U81	Hoàng Trịnh Bảo Ngân	18	1	2009	9A9	THCS Nguyễn Trãi	Lịch sử	7
81	37	U82	Nguyễn Bích Ngọc	20	11	2009	9A8	THCS Phú La	Lịch sử	9.5
82	37	U83	Nguyễn Minh Ngọc	21	6	2009	9A5	THCS Trần Đăng Ninh	Lịch sử	6.25
83	37	U84	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	11	11	2009	9A1	THCS Vạn Phúc	Lịch sử	4.5
84	37	U85	Nguyễn Ngọc Bảo Nguyên	1	9	2009	9A2	THCS Lê Lợi	Lịch sử	10.75
85	37	U86	Nguyễn Duy Nhật	29	6	2009	9A2	THCS Đồng Mai	Lịch sử	7
86	37	U87	Đinh Đức Nhật	4	11	2009	9A8	THCS Văn Quán	Lịch sử	10
87	37	U88	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	11	7	2009	9A10	THCS Dương Nội	Lịch sử	3.25
88	37	U89	Nguyễn Thị Xuân Nhi	15	6	2009	9A7	THCS Trần Đăng Ninh	Lịch sử	6.5
89	37	U90	Phạm Vương Khánh Nhi	12	11	2009	9A1	LMNX Tây Hà Nội	Lịch sử	2.5
90	37	U91	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21	8	2009	9A8	THCS Phú La	Lịch sử	5.75
91	37	U92	Trần Việt Phúc	28	10	2009	9A9	THCS Nguyễn Trãi	Lịch sử	2.5
92	37	U93	Nguyễn Hà Phương	27	9	2009	9A7	THCS Lê Hồng Phong	Lịch sử	6.5
93	37	U94	Nguyễn Mai Phương	15	1	2009	9A10	THCS Dương Nội	Lịch sử	7.25
94	37	U95	Nguyễn Cát Phượng	7	11	2009	9A9	THCS Phú Lương	Lịch sử	9
95	38	U96	Lê Thị Tố Quyên	12	08	2009	9A1	THCS Yên Nghĩa	Lịch sử	6.5
96	38	U97	Đoàn Phúc Tùng Sơn	30	11	2009	9A8	THCS Lê Hồng Phong	Lịch sử	9.5
97	38	U98	Vương Thái Sơn	25	5	2009	9A7	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử	6.25
98	38	U99	Đoàn Minh Tâm	6	10	2009	9A	THCS Biên Giang	Lịch sử	3.75
99	38	U100	Huỳnh Minh Tâm	6	1	2009	9A8	THCS Mỗ Lao	Lịch sử	10
100	38	U101	Nguyễn Danh Thái	7	11	2009	9A5	THCS Trần Đăng Ninh	Lịch sử	3
101	38	U102	Nguyễn Phú Thành	19	01	2009	9A2	THCS Yên Nghĩa	Lịch sử	7
102	38	U103	Trần Phương Thảo	25	12	2009	9A9	THCS Nguyễn Trãi	Lịch sử	7
103	38	U104	Nguyễn Thị Thúy	6	3	2009	9A2	THCS Phú Cường	Lịch sử	6
104	38	U105	Chu Thị Thanh Thùy	9	6	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Lịch sử	7
105	38	U106	Nguyễn Minh Thư	30	3	2009	9A3	THCS Mậu Lương	Lịch sử	9.5
106	38	U107	Nguyễn Minh Thư	19	1	2009	9A5	THCS Văn Khê	Lịch sử	13
107	38	U108	Đinh Thị Phương Thư	29	4	2009	9A5	THCS Văn Khê	Lịch sử	10
108	38	U109	Lê Thị Hà Trang	29	8	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	Lịch sử	12.75
109	38	U110	Nguyễn Thùy Trang	24	2	2009	9A2	THCS Đồng Mai	Lịch sử	4.5
110	38	U111	Nguyễn Anh Tú	20	9	2009	9A6	THCS Lê Hồng Phong	Lịch sử	9.5
111	38	U112	Trần Quang Tú	10	6	2009	9A3	THCS Phú La	Lịch sử	9.25
112	38	U113	Đào Xuân Tùng	16	4	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Lịch sử	8
113	38	U114	Lê Khánh Vân	30	3	2009	9A6	THCS Văn Quán	Lịch sử	5
114	38	U115	Đặng Thị Thúy Vân	31	8	2009	9D	THCS Biên Giang	Lịch sử	1.75
115	38	U116	Nguyễn Tiến Việt	7	4	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Lịch sử	4
116	38	U117	Nguyễn Bá Vượng	5	1	2009	9A4	THCS Phú Lãm	Lịch sử	7.5
117	38	U118	Nguyễn Khánh Vy	20	11	2009	9A1	THCS Phú Lương	Lịch sử	6.5

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
1	40	A01	Phạm Diệu An	3	12	2009	9A8	THCS Mỗ Lao	Tiếng Anh	12.5
2	40	A02	Nguyễn Phúc An	25	05	2009	9A2	THCS Yên Nghĩa	Tiếng Anh	10.8
3	40	A03	Hàn Diệp Anh	11	10	2009	9M5	Marie Curie	Tiếng Anh	8.6
4	40	A04	Nguyễn Đức Anh	3	7	2009	9A2	THCS Mỗ Lao	Tiếng Anh	15.7
5	40	A05	Dư Hoàng Anh	27	12	2009	9A6	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	15.3
6	40	A06	Nguyễn Hoàng Anh	25	3	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Tiếng Anh	10.6
7	40	A07	Hồ Huyền Anh	17	1	2009	9A8	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	12.4
8	40	A08	Nguyễn Huyền Anh	25	9	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	Tiếng Anh	13.3
9	40	A09	Đỗ Mai Anh	17	9	2009	9A5	THCS Văn Khê	Tiếng Anh	14.7
10	40	A10	Phạm Minh Anh	12	9	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	16.0
11	40	A11	Trần Nam Anh	23	6	2009	9A2	THCS Văn Yên	Tiếng Anh	10.7
12	41	A12	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	15	10	2009	9M2	THCS Ban Mai	Tiếng Anh	10.7
13	41	A13	Lê Như Diệu Anh	23	1	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	15.1
14	43	A14	Lê Quỳnh Anh	21	12	2009	9A9	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	13.7
15	43	A15	Phạm Quỳnh Anh	2	11	2009	9A5	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	12.4
16	43	A16	Lê Thị Hải Anh	6	11	2009	9 A9	THCS Trần Đăng Ninh	Tiếng Anh	14.3
17	43	A17	Nguyễn Thị Phương Anh	4	1	2009	9A6	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	12.8
18	43	A18	Lê Thị Quỳnh Anh	30	1	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Tiếng Anh	11.9
19	43	A19	Nguyễn Trâm Anh	18	8	2009	9A8	THCS Văn Quán	Tiếng Anh	13.9
20	43	A20	Nguyễn Trần Diệu Anh	12	12	2009	9A1	LMNX Tây Hà Nội	Tiếng Anh	10.0
21	43	A21	Nguyễn Trần Minh Anh	30	10	2010	8A5	THCS Văn Khê	Tiếng Anh	15.7
22	43	A22	Trần Vũ Minh Anh	19	7	2009	9A5	THCS Phú La	Tiếng Anh	16.0
23	43	A23	Nguyễn Danh Bảo	14	11	2009	9T2	THCS Ban Mai	Tiếng Anh	15.6
24	43	A24	Đặng Gia Bảo	7	10	2009	9A2	THCS Mỗ Lao	Tiếng Anh	11.9
25	43	A25	Lê Gia Bảo	3	10	2009	9A7	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	7.8
26	39	A26	Nguyễn Vân Băng	14	2	2009	9A2	PTQT Việt Nam	Tiếng Anh	13.0
27	39	A27	Dương Gia Bình	1	11	2009	9A8	THCS Văn Quán	Tiếng Anh	12.2
28	39	A28	Bùi Nguyễn Bảo Châu	10	3	2009	9A2	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	12.8
29	39	A29	Lưu Diệp Chi	9	4	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	12.0
30	39	A30	Nguyễn Hà Chi	11	9	2009	9A4	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	11.7
31	39	A31	Lê Hoàng Minh Chi	18	11	2009	9A9	THCS Phú Lương	Tiếng Anh	9.1
32	39	A32	Trần Khánh Chi	13	4	2009	9A10	THCS Dương Nội	Tiếng Anh	11.4
33	39	A33	Lê Linh Chi	21	9	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Tiếng Anh	6.9
34	39	A34	Đỗ Mai Chi	7	10	2010	8A7	THCS Mậu Lương	Tiếng Anh	17.0
35	39	A35	Bùi Thị Ngọc Chi	22	11	2009	9A2	THCS Phú Cường	Tiếng Anh	8.9
36	39	A36	Trần Tuệ Bảo Chi	12	6	2009	9A4	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	15.3
37	39	A37	Trần Văn Duệ	9	2	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	6.6
38	39	A38	Lê Thị Mai Dung	19	1	2009	9A4	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	8.5
39	39	A39	Đặng Thùy Dương	21	5	2009	9A4	THCS Phú Lãm	Tiếng Anh	4.3
40	39	A40	Nguyễn Thùy Dương	2	2	2009	9A6	THCS Dương Nội	Tiếng Anh	9.5
41	39	A41	Nguyễn Thùy Dương	20	1	2009	9A1	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	14.4
42	39	A42	Phạm Tùng Dương	3	1	2009	9A4	THCS Văn Yên	Tiếng Anh	11.5
43	39	A43	Nguyễn Vũ Quốc Đạt	02	8	2009	9A	THCS Biên Giang	Tiếng Anh	4.0
44	39	A44	Bùi Hương Giang	26	7	2009	9A1	THCS Phú Lương	Tiếng Anh	13.0
45	39	A45	Trần Hương Giang	4	3	2009	9A7	THCS Phú La	Tiếng Anh	7.8
46	39	A46	Nguyễn Ngân Hà	14	8	2009	9A4	THCS Phú Lãm	Tiếng Anh	8.3
47	39	A47	Đinh Phương Hà	21	6	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	11.6
48	39	A48	Nguyễn Thanh Hà	23	6	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	12.6
49	39	A49	Hoàng Đức Đông Hải	26	11	2009	9A1	THCS Văn Quán	Tiếng Anh	10.9
50	39	A50	Lê Hoàng Hải	25	2	2009	9A9	THCS Phú Lương	Tiếng Anh	10.1
51	42	A51	Nguyễn Thanh Hải	20	9	2009	9A2	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	6.2

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
52	42	A52	Nguyễn Gia Hân	20	10	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	11.6
53	42	A53	Nguyễn Gia Hân	26	2	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Tiếng Anh	8.3
54	42	A54	Tạ Minh Hiển	24	3	2009	9A2	THCS Phú La	Tiếng Anh	15.6
55	42	A55	Nguyễn Minh Hiếu	20	7	2009	9A8	THCS Văn Quán	Tiếng Anh	14.3
56	42	A56	Tưởng Phi Hoàng	30	1	2009	9A3	THCS Phú La	Tiếng Anh	11.5
57	42	A57	Nguyễn Bá Huân	24	6	2009	9T1	THCS Ban Mai	Tiếng Anh	12.1
58	42	A58	Vũ Lê Diệu Huyền	28	11	2009	9A3	Hà Nội - Thăng Long	Tiếng Anh	13.8
59	42	A59	Nguyễn Thị Thanh Huyền	14	10	2009	9A8	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	16.0
60	42	A60	Hoàng Gia Hưng	10	1	2009	9A2	THCS Phú La	Tiếng Anh	9.0
61	42	A61	Đỗ Vương Khang	2	6	2009	9A3	LMNX Tây Hà Nội	Tiếng Anh	7.0
62	42	A62	Đào Duy Khánh	12	11	2009	9A8	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	13.2
63	42	A63	Nguyễn Vũ Khoa	31	12	2009	9A4	THCS Văn Yên	Tiếng Anh	14.1
64	42	A64	Đỗ Minh Khôi	29	1	2009	9A4	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	13.1
65	42	A65	Trần Lisa Ngọc Khuê	1	4	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	14.4
66	42	A66	Nguyễn Minh Khuê	16	11	2009	9A5	THCS Văn Khê	Tiếng Anh	12.7
67	42	A67	Nguyễn Doãn Đức Kiên	18	1	2009	9A5	THCS Phú La	Tiếng Anh	13.2
68	42	A68	Bùi Trung Kiên	21	8	2009	9A2	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	10.5
69	42	A69	Nguyễn Bảo Lâm	1	6	2009	9A9	THCS Trần Đăng Ninh	Tiếng Anh	16.3
70	42	A70	Bùi Khánh Lâm	7	10	2009	9T2	THCS Ban Mai	Tiếng Anh	11.7
71	42	A71	Nguyễn Ngọc Đan Lê	10	9	2009	9A1	THCS Phú Lương	Tiếng Anh	15.6
72	42	A72	Trần Gia Linh	1	6	2009	9A6	THCS Dương Nội	Tiếng Anh	14.3
73	42	A73	Nguyễn Hà Linh	19	2	2009	9A3	THCS Phú Lãm	Tiếng Anh	6.5
74	42	A74	Đoàn Khánh Linh	29	7	2009	9A3	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	17.5
75	42	A75	Thiều Khánh Linh	24	1	2009	9A2	THCS Phú La	Tiếng Anh	14.7
76	44	A76	Tô Khánh Linh	25	11	2009	9A4	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	13.1
77	44	A77	Phạm Ngọc Khánh Linh	27	11	2009	9A10	THCS Văn Yên	Tiếng Anh	10.3
78	44	A78	Đào Phương Linh	18	3	2009	9A3	THCS Mậu Lương	Tiếng Anh	8.05
79	44	A79	Lê Phương Linh	16	8	2009	9M5	Marie Curie	Tiếng Anh	8.15
80	44	A80	Nguyễn Thảo Linh	23	10	2009	9A1	TN Victory	Tiếng Anh	15.6
81	44	A81	Hoàng Thị Phương Linh	13	9	2009	9A4	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	13.2
82	44	A82	Nguyễn Như Mai	7	9	2009	9A9	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	13.5
83	44	A83	Nguyễn Mộc Miên	20	6	2009	9A8	THCS Văn Quán	Tiếng Anh	16.0
84	44	A84	Ngô Bảo Minh	18	5	2009	9A1	THCS Văn Yên	Tiếng Anh	9.6
85	44	A85	Nguyễn Duy Đức Minh	20	9	2009	9A6	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	10.4
86	44	A86	Đoàn Đức Minh	25	8	2009	9A3	Hà Nội - Thăng Long	Tiếng Anh	14.4
87	44	A87	Nguyễn Ngọc Tường Minh	2	4	2009	9A7	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	11.5
88	44	A88	Nguyễn Minh	26	2	2009	9H2	HAS	Tiếng Anh	11.0
89	44	A89	Nguyễn Phúc Thảo Minh	16	8	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	15.7
90	44	A90	Đỗ Quang Minh	26	1	2009	9A8	THCS Văn Quán	Tiếng Anh	14.4
91	44	A91	Phạm Tuấn Minh	15	7	2009	9A5	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	10.9
92	44	A92	Đỗ Vũ Quang Minh	21	10	2009	9A8	THCS Trần Đăng Ninh	Tiếng Anh	12.8
93	44	A93	Trịnh Thảo My	17	12	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	Tiếng Anh	10.7
94	44	A94	Nguyễn Bảo Nam	26	10	2009	9A5	THCS Trần Đăng Ninh	Tiếng Anh	16.8
95	44	A95	Nguyễn Hữu Nhật Nam	26	01	2009	9A7	THCS Yên Nghĩa	Tiếng Anh	8.5
96	44	A96	Nguyễn Linh Nga	18	2	2009	9A9	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	16.0
97	44	A97	Lê Hoàng Ngân	16	12	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Tiếng Anh	14.7
98	44	A98	Đỗ Kim Ngân	27	8	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	Tiếng Anh	4.2
99	44	A99	Nguyễn Thị Quỳnh Ngân	19	04	2009	9A2	THCS Yên Nghĩa	Tiếng Anh	6.8
100	40	A100	Hoàng Khánh Ngọc	05	12	2009	9A	THCS Biên Giang	Tiếng Anh	6.4
101	40	A101	Nguyễn Minh Ngọc	12	5	2009	9A10	THCS Văn Yên	Tiếng Anh	13.8
102	40	A102	Vũ Minh Ngọc	17	9	2009	9A5	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	15.0

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
103	40	A103	Nguyễn Doãn Khôi Nguyên	5	9	2009	9A6	THCS Văn Yên	Tiếng Anh	14.8
104	40	A104	Nguyễn Hoàng Nguyên	26	12	2010	8A7	THCS Dương Nội	Tiếng Anh	15.4
105	40	A105	Nguyễn Hữu An Nguyên	10	1	2009	9i	THCS Ban Mai	Tiếng Anh	14.5
106	40	A106	Bùi Vũ Thảo Nguyên	22	11	2009	9A6	THCS Văn Khê	Tiếng Anh	9.0
107	40	A107	Trần Vũ Nguyên	7	9	2009	9T2	THCS Ban Mai	Tiếng Anh	12.1
108	40	A108	Bùi Minh Nhân	24	9	2009	9A1	THCS Vạn Phúc	Tiếng Anh	9.2
109	40	A109	Nguyễn An Nhiên	8	6	2009	9A1	TN Victory	Tiếng Anh	15.4
110	40	A110	Nguyễn Hồng Nhung	6	6	2009	9A8	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	14.7
111	40	A111	Lã Hải Phong	15	7	2009	9A3	LMNX Tây Hà Nội	Tiếng Anh	8.0
112	40	A112	Đinh Nam Phong	20	1	2009	9T1	THCS Ban Mai	Tiếng Anh	13.6
113	40	A113	Nguyễn Đặng Phúc	22	8	2009	9A7	THCS Lê Hồng Phong	Tiếng Anh	12.7
114	41	A114	Đinh Hà Phương	7	1	2009	9A1	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	15.8
115	41	A115	Lê Hà Phương	27	12	2009	9A6	THCS Trần Đăng Ninh	Tiếng Anh	11.5
116	41	A116	Nguyễn Minh Phương	24	2	2009	9A5	THCS Văn Khê	Tiếng Anh	12.4
117	41	A117	Phạm Minh Phương	16	7	2009	9A4	THCS Phú La	Tiếng Anh	6.2
118	41	A118	Phan Lạc Minh Quang	29	8	2009	9A3	THCS Văn Khê	Tiếng Anh	8.1
119	41	A119	Nguyễn Khắc Hoàng Quân	21	8	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	15.1
120	41	A120	Nguyễn Khả Hoàng Sơn	19	5	2009	9A8	THCS Văn Quán	Tiếng Anh	13.1
121	41	A121	Nguyễn Thái Sơn	13	5	2009	9A4	THCS Phú La	Tiếng Anh	14.0
122	41	A122	Phạm Anh Thái	19	8	2009	9A2	THCS Phú La	Tiếng Anh	10.1
123	41	A123	Phạm Mai Thanh	14	7	2009	9A9	THCS Nguyễn Trãi	Tiếng Anh	9.4
124	41	A124	Nguyễn Trần Giang Thanh	21	12	2009	9A2	THCS Yên Nghĩa	Tiếng Anh	7.1
125	41	A125	Ngô Bá Thành	17	12	2008	9H1	HAS	Tiếng Anh	14.6
126	41	A126	Ngô Đức Trí Thành	27	9	2009	9A3	THCS Văn Yên	Tiếng Anh	9.5
127	41	A127	Chu Ngọc Phương Thảo	18	5	2009	9A3	Hà Nội - Thăng Long	Tiếng Anh	15.2
128	41	A128	Vương Ngô Phương Thảo	14	9	2009	9A2	PTQT Việt Nam	Tiếng Anh	5.1
129	41	A129	Trần Quốc Thịnh	13	3	2009	9A1	THCS Phú Cường	Tiếng Anh	13.2
130	41	A130	Nguyễn Hà Thu	6	2	2009	9A4	THCS Trần Đăng Ninh	Tiếng Anh	12.8
131	41	A131	Nguyễn Lưu Thủy	9	5	2009	9A6	THCS Dương Nội	Tiếng Anh	9.4
132	41	A132	Lê Anh Thư	23	11	2009	9A8	THCS Văn Quán	Tiếng Anh	8.4
133	41	A133	Nguyễn Ngọc Song Thư	14	7	2009	9A5	THCS Mỗ Lao	Tiếng Anh	10.8
134	41	A134	Nguyễn Vĩnh Tiến	11	8	2009	9A3	THCS Trần Đăng Ninh	Tiếng Anh	16.1
135	41	A135	Nghiêm Lê Linh Trang	13	12	2009	9A7	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	13.9
136	41	A136	Vũ Ngọc Huyền Trang	14	5	2009	9A1	THCS Phú Lương	Tiếng Anh	12.5
137	43	A137	Đào Thị Nha Trang	10	6	2009	9A1	THCS Phú Cường	Tiếng Anh	12.8
138	43	A138	Trần Thuỳ Trang	30	1	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Tiếng Anh	5.8
139	43	A139	Hoàng Xuân Trung	2	5	2009	9A2	THCS Mỗ Lao	Tiếng Anh	13.9
140	43	A140	Ngô Hữu Tú	5	1	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	13.6
141	43	A141	Đặng Thị Cẩm Tú	25	01	2009	9A1	THCS Yên Nghĩa	Tiếng Anh	6.4
142	43	A142	Dương Quang Vinh	23	9	2009	9A7	THCS Dương Nội	Tiếng Anh	12.2
143	43	A143	Vũ Đức Vượng	25	8	2009	9A3	THCS Lê Lợi	Tiếng Anh	14.9
144	43	A144	Nguyễn Khánh Vy	7	9	2009	9A6	THCS Dương Nội	Tiếng Anh	7.4
145	43	A145	Vũ Khánh Vy	8	11	2009	9A1	THCS Văn Yên	Tiếng Anh	9.9
146	43	A146	Bùi Nguyễn Tường Vy	30	10	2009	9A7	THCS Mỗ Lao	Tiếng Anh	15.9
147	43	A147	Nguyễn Thị Phương Vy	10	04	2009	9A2	THCS Yên Nghĩa	Tiếng Anh	8.0
148	43	A148	Nguyễn Hải Yến	3	6	2009	9A6	THCS Đồng Mai	Tiếng Anh	5.7
1	45	N02	Nguyễn Thái An	21	1	2010	8T	THCS Ban Mai	Tin học	16.8
2	45	N03	Nguyễn Thành An	17	6	2010	8T	THCS Ban Mai	Tin học	17.8
3	45	N04	Trịnh Lê Anh	27	12	2009	9A1	THCS Kiến Hưng	Tin học	10.4
4	45	N05	Đinh Hữu Dũng	21	2	2009	9A2	THCS Lê Lợi	Tin học	16.2
5	45	N06	Trần Hữu Đức	11	9	2009	9A8	THCS Văn Quán	Tin học	16.8

	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Lớp	Trường THCS	Môn thi	Kết quả điểm
6	**45**	N07	Đinh Đức Hiệp	6	4	2010	8A6	THCS Lê Lợi	Tin học	16.3
7	**45**	N08	Hoàng Trung Hiếu	26	7	2009	9A3	THCS Kiến Hưng	Tin học	7
8	**45**	N10	Phùng Gia Huy	3	7	2009	9A1	THCS Lê Lợi	Tin học	13.5
9	**45**	N11	Phạm Hoàng Đức Lâm	26	2	2010	8A1	THCS Lê Lợi	Tin học	1
10	**45**	N12	Nguyễn Minh	30	11	2009	9A7	THCS Lê Hồng Phong	Tin học	0
11	**45**	N13	Nguyễn Hưng Hoàng Nam	27	11	2009	9A3	LMNX Tây Hà Nội	Tin học	17
12	**45**	N14	Nguyễn Khánh Ngọc	8	11	2010	8A1	THCS Lê Lợi	Tin học	3
13	**45**	N15	Dương Trần Thanh Phong	14	7	2010	8A8	THCS Lê Lợi	Tin học	6.35
14	**45**	N16	Nguyễn Kim Quang	15	7	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Tin học	16.8
15	**45**	N17	Giang Trường Sơn	12	9	2010	8A2	THCS Lê Lợi	Tin học	3.6
16	**45**	N18	Hoàng Anh Tuấn	24	2	2009	9A1	LMNX Tây Hà Nội	Tin học	9.4
1	**4**	Đ93	Nguyễn Hạ Trang	17	09	2009	9A6	THCS Yên Nghĩa	Địa lí	Vắng
2	**1**	Đ11	Bùi Thị Tú Anh	28	1	2009	9A1	THCS Mậu Lương	Địa lí	Vắng
3	**8**	V88	Lê Trà My	13	5	2009	9A1	THCS Văn Khê	Ngữ văn	Vắng
4	**8**	V106	Phạm Thanh Phương	29	5	2009	9A8	THCS Lê Hồng Phong	Ngữ văn	Vắng
5	**11**	S30	Hoàng Thái Dương	23	3	2009	9A2	THCS Văn Khê	Sinh học	Vắng
6	**11**	S47	Nguyễn Tuấn Hùng	14	1	2009	9A6	THCS Mỗ Lao	Sinh học	Vắng
7	**13**	S100	Hoàng Ngọc Bảo Yến	27	2	2009	9A7	THCS Nguyễn Trãi	Sinh học	Vắng
8	**16**	T75	Trần Hạ Lam	26	6	2009	9A1	THCS Vạn Phúc	Toán	Vắng
9	**45**	N09	Nguyễn Thanh Hùng	30	4	2010	8A1	THCS Lê Lợi	Tin học	Vắng
10	**35**	U33	Phạm Minh Dũng	7	12	2009	9A9	THCS Nguyễn Trãi	Lịch sử	Vắng
11	**32**	H93	Vũ Hoàng Yến Nhi	11	12	2009	9A4	THCS Nguyễn Trãi	Hóa học	Vắng
12	**32**	H99	Lê Thủy Thành Phương	24	3	2009	9T1	THCS Ban Mai	Hóa học	Vắng
13	**24**	G13	Nguyễn Minh Anh	30	8	2009	9A8	THCS Văn Khê	GDCD	Vắng
14	**24**	G19	Phạm Quỳnh Anh	1	11	2009	9A2	THCS Phú Lương	GDCD	Vắng

Hà Đông, ngày 20 tháng 10 năm 2023

TỔ THƯ KÝ

Trịnh Quý Vinh

Nguyễn Đức Học

Hoàng Văn Mạnh

Lê Trung Hoàn

CHỦ TỊCH HĐChT

Nguyễn Thế Hảo